

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1	Bùi Thị	Nhân	LNH006863	2	27.00	3.5	30.50
2	Bùi Thị	Ngân	LNH006492	2	26.25	3.5	29.75
3	Bùi Thị	Huệ	LNH003858	2	26.25	3.5	29.75
4	Quàng Thị	Thanh	TTB005699	1	26.25	3.5	29.75
5	Trịnh Thị	Phượng	HDT020280	2	26.00	3.5	29.50
6	Đỗ Thị	Dung	DCN001673	2	26.00	3.5	29.50
7	Phạm Bá	Đạt	HDT005374	2	26.00	3.5	29.50
8	Triệu Linh	Đan	TND004771	1	26.00	3.5	29.50
9	Phạm Thị	Nga	HDT017497	2	25.75	3.5	29.25
10	Ma Nhân Hoàng	Anh	TQU000098	2	25.75	3.5	29.25
11	Lường Văn	Đông	TTB001526	2	25.75	3.5	29.25
12	Bùi Thị	Nương	HDT019148	2	25.50	3.5	29.00
13	Quách Thương	Hiệp	LNH003262	2	26.50	2.5	29.00
14	Hà Thị Hương	Thảo	KQH012547	2	25.50	3.5	29.00
15	Đàm Thị	Thiệp	TND023907	2	25.50	3.5	29.00
16	Tòng Thùy	Linh	TTB003584	2	25.50	3.5	29.00
17	Nguyễn Hùng	Sơn	LNH007960	2	25.50	3.5	29.00
18	Nguyễn Thị Phương	Thảo	TTB005915	2	25.50	3.5	29.00
19	Hà Thị	Chang	TND002060	2	25.50	3.5	29.00
20	Hà Thị Hương	Nhi	THV009805	1	25.50	3.5	29.00
21	Bàn Thị	Vân	TND029017	1	25.50	3.5	29.00
22	Chu Thị	Oanh	TND019256	1	25.50	3.5	29.00
23	Trần Thị	Hằng	TDV009422	2	27.25	1.5	28.75
24	Nguyễn Thị	Nhung	LNH006991	2	25.25	3.5	28.75
25	Hoàng Ngọc	ánh	TND001290	2	25.25	3.5	28.75
26	Quan Thị	Nga	DCN007886	2	25.25	3.5	28.75
27	Ma Thị Thu	Uyên	KQH015950	2	25.25	3.5	28.75
28	Nguyễn Phương	Hoa	THV004749	2	27.25	1.5	28.75
29	Bùi Kim	Ngân	LNH006487	2	25.25	3.5	28.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
30	Hoàng Thị Vân	Thư	TND025171	1	25.25	3.5	28.75
31	Đinh Thị Bích	Đoan	TND005248	2	25.00	3.5	28.50
32	Nguyễn Thị Vân	Anh	SPH001102	2	28.00	0.5	28.50
33	Nguyễn Ngọc	Chí	TND002333	2	25.00	3.5	28.50
34	Dương Thị	Thư	TTB006434	2	27.00	1.5	28.50
35	Nguyễn Thị Thu	Huệ	TQU002239	2	25.00	3.5	28.50
36	Đặng Hồng	Minh	THV008679	2	25.00	3.5	28.50
37	Nguyễn Thị Thùy	Linh	DHU011359	2	27.50	1.0	28.50
38	Lò Thị	Diện	TTB001037	2	25.00	3.5	28.50
39	Võ Thị	Huyền	TDV013985	2	27.00	1.5	28.50
40	Nguyễn Hồng	Hạnh	TTB001934	2	27.00	1.5	28.50
41	Nguyễn Đàm Mai	Hương	TND011845	2	25.00	3.5	28.50
42	Nguyễn Thị Hiền	Châu	THV001226	2	27.00	1.5	28.50
43	Bùi Thị	Giang	DCN002642	1	25.00	3.5	28.50
44	Vừ A	Tủa	TTB007052	1	25.00	3.5	28.50
45	Nông Thị	Phương	KQH010977	2	24.75	3.5	28.25
46	Nông Thu	Trang	DCN011942	2	24.75	3.5	28.25
47	Lưu Thị	Mai	SPH010983	2	27.25	1.0	28.25
48	Quách Thanh	Thủy	LNH009237	2	24.75	3.5	28.25
49	Huỳnh Thị Kim	Thúy	THV013125	2	26.75	1.5	28.25
50	Lê Thị	Thế	TND023694	2	24.75	3.5	28.25
51	Phan Đức	Quý	TND020712	2	24.75	3.5	28.25
52	Hoàng Thị Ngọc	Anh	THV000202	2	24.75	3.5	28.25
53	Hoàng Thị Thu	Hương	TND011773	1	24.75	3.5	28.25
54	Hoàng Thị Hồng	Hạnh	TND006904	1	24.75	3.5	28.25
55	Nguyễn Thị	Linh	DCN006410	1	24.75	3.5	28.25
56	Trịnh Thị Kim	Anh	KHA000716	1	26.25	2.0	28.25
57	Trần Thị Như	Quyên	TTB005117	3	26.50	1.5	28.00
58	Trần Thị Lan	Anh	TND001099	2	26.50	1.5	28.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
59	Lê Thị Cẩm	Vân	TDV035760	2	26.00	2.0	28.00
60	Hoàng Thị Trà	My	TND016796	2	24.50	3.5	28.00
61	Nguyễn Thị	Tâm	DCN009847	2	24.50	3.5	28.00
62	Nguyễn Thị Thùy	Dương	TTB001363	2	26.50	1.5	28.00
63	Đinh Phương	Thảo	TTB005848	2	26.50	1.5	28.00
64	Hoàng Lệ Khánh	Linh	THV007389	2	24.50	3.5	28.00
65	Lê Thị Thúy	Huệ	TQU002229	2	26.50	1.5	28.00
66	Đoàn Thị Thùy	Linh	TND014118	2	26.50	1.5	28.00
67	Nguyễn Thị Hương	Ly	THV008295	2	26.50	1.5	28.00
68	Hoàng Châu	Bình	TQU000365	2	26.50	1.5	28.00
69	Nguyễn Thu	Hà	TQU001432	2	24.50	3.5	28.00
70	Trịnh Thị	Linh	TTB003597	2	26.50	1.5	28.00
71	Đàm Thị	Nhung	TND018794	2	24.50	3.5	28.00
72	Lương Thị	Bên	TDV002344	2	24.50	3.5	28.00
73	Bùi Thị Như	ý	DHU027524	2	27.50	0.5	28.00
74	Ma Thị Tuyết	Nhung	DCN008405	2	24.50	3.5	28.00
75	Bùi Thị	Phượng	LNH007269	2	24.50	3.5	28.00
76	Hoàng Thị	Phượng	TQU004408	2	24.50	3.5	28.00
77	Và A	Tủa	TTB007056	1	24.50	3.5	28.00
78	Vừ A	Dia	TTB001020	1	24.50	3.5	28.00
79	Lý Thị Thanh	Huế	TND010084	1	24.50	3.5	28.00
80	Cà Thị	Quyên	TTB005107	1	24.50	3.5	28.00
81	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	TND003761	1	24.50	3.5	28.00
82	Cà Văn	Chung	TTB000727	1	24.50	3.5	28.00
83	Vũ Thị Huyền	Trang	TQU005926	2	26.25	1.5	27.75
84	Doãn Thị	Hồng	HDT010018	2	26.25	1.5	27.75
85	Lự Thị	Thúy	THV013127	2	24.25	3.5	27.75
86	Đàm Văn	Thực	TND025270	2	24.25	3.5	27.75
87	Nguyễn Lê Thu	Hà	LNH002503	2	24.25	3.5	27.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
88	Vương Hồng	Huyền	THP006755	2	26.75	1.0	27.75
89	Giang Thị Hải	Lý	TND015796	2	27.25	0.5	27.75
90	Hoàng Thị	Hà	DCN002833	2	24.25	3.5	27.75
91	Nguyễn Ngọc	Duyên	THP002592	2	26.75	1.0	27.75
92	Hoàng Thị	Thanh	HDT022547	2	26.25	1.5	27.75
93	Nguyễn Thị	Hồng	TND009833	2	26.25	1.5	27.75
94	Lý Thị	An	TND000038	2	24.25	3.5	27.75
95	Triệu Thị	Lấy	TND013609	2	24.25	3.5	27.75
96	Hoàng Như	Quỳnh	THV011063	2	24.25	3.5	27.75
97	Hoàng Thị	Trang	HDT026389	2	24.25	3.5	27.75
98	Lò Văn	Duyện	HDT004727	2	24.25	3.5	27.75
99	Đào Thị	Thúy	SPH016697	2	26.25	1.5	27.75
100	Lục Thị Kiều	Trang	TQU005803	2	24.25	3.5	27.75
101	Nguyễn Thị Hương	Giang	THV003305	2	26.25	1.5	27.75
102	Bùi Thị	Thủy	LNH009166	1	24.25	3.5	27.75
103	Nguyễn Khánh	Linh	THV007536	1	26.25	1.5	27.75
104	Lương Thị	Hiếu	DCN003882	1	24.25	3.5	27.75
105	Hà Thị Thu	Đẹp	TND005102	1	24.25	3.5	27.75
106	Đinh Thị	Thảo	TND022868	1	24.25	3.5	27.75
107	Lê Phương	Anh	HDT000573	2	26.00	1.5	27.50
108	Lường Thị	Hằng	TTB002030	2	24.00	3.5	27.50
109	Lê Quốc	Hào	TDV008777	2	26.00	1.5	27.50
110	Phạm Thu	Phương	HDT020052	2	24.00	3.5	27.50
111	Lê Thị Kim	Ngọc	TTB004371	2	26.00	1.5	27.50
112	Nguyễn Thị	Thúy	THP014491	2	26.50	1.0	27.50
113	Nguyễn Thị	Thơm	TDV029683	2	26.00	1.5	27.50
114	Nguyễn Thị	Phương	YTB017324	2	26.50	1.0	27.50
115	Vi Thị	Vân	TND029204	2	24.00	3.5	27.50
116	Nguyễn Thị	Huế	TDV012434	2	26.00	1.5	27.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)
Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
117	Lê Thị	Duyên	THP002581	2	27.00	0.5	27.50
118	Nguyễn Thị	Hồng	TTN007044	2	26.00	1.5	27.50
119	Đỗ Minh	Ngọc	THV009413	2	27.00	0.5	27.50
120	Nguyễn Thị Minh	Hân	TQU001669	2	26.00	1.5	27.50
121	Hà Thị Ngọc	Linh	THV007366	2	24.00	3.5	27.50
122	Hà Thu	Hằng	TTB002005	2	24.00	3.5	27.50
123	Trần Thị Như	Quỳnh	TTB005235	2	26.00	1.5	27.50
124	Linh Thị Mai	Anh	TND000507	2	24.00	3.5	27.50
125	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	TDV013732	2	27.00	0.5	27.50
126	Mã Thanh	Lâm	TND013503	2	24.00	3.5	27.50
127	Hà Thị Bích	Thảo	TQU005042	2	24.00	3.5	27.50
128	Cao Thị Hồng	Phượng	TDV024229	2	24.00	3.5	27.50
129	Nguyễn Thị Thùy	Vân	SPH019288	2	27.00	0.5	27.50
130	Lý Thái	Bảo	TND001546	2	24.00	3.5	27.50
131	Nguyễn Thị Thu	Phượng	SPH013790	2	26.00	1.5	27.50
132	Chu Thị	Duyên	TND004274	1	24.00	3.5	27.50
133	Nông Thị	Loan	TND015028	1	24.00	3.5	27.50
134	Bế Thị	Hường	TND012099	1	24.00	3.5	27.50
135	Nông Thị	Đào	TND004806	1	24.00	3.5	27.50
136	Vy Mỹ	Linh	TND014890	1	24.00	3.5	27.50
137	Hoàng Thị	Chiên	TQU000475	1	24.00	3.5	27.50
138	Hoàng Thùy	Dung	TND003697	1	24.00	3.5	27.50
139	Trần Thị	Thủy	YTB021441	1	26.50	1.0	27.50
140	Đoàn Văn	Tiếp	TQU005653	1	26.00	1.5	27.50
141	Nguyễn Thị Thu	An	TND000058	1	24.00	3.5	27.50
142	Quan Thủy	Ngân	TQU003830	1	24.00	3.5	27.50
143	Hà Thị	Luyến	TQU003406	1	24.00	3.5	27.50
144	Nông Thị	Quyên	TND020825	1	24.00	3.5	27.50
145	Hoàng Hồng	Ngọc	THV009455	2	23.75	3.5	27.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
146	Vũ Thị Mai	Sao	THV011268	2	25.75	1.5	27.25
147	Mã Thị	Thanh	SPH015271	2	23.75	3.5	27.25
148	Nguyễn Ngọc	ánh	SPH001786	2	26.75	0.5	27.25
149	Nguyễn Thị	Hậu	SPH005805	2	26.75	0.5	27.25
150	Phạm Thị Kiều	Linh	TQU003235	2	25.75	1.5	27.25
151	Trần Phương	Anh	TTB000267	2	25.75	1.5	27.25
152	Nguyễn Thị	Anh	TND000706	2	25.75	1.5	27.25
153	Kim Thảo	Linh	TQU003121	2	23.75	3.5	27.25
154	Nguyễn Văn	Dương	TDV005627	2	26.25	1.0	27.25
155	Lê Thị	Hương	HDT012158	2	26.25	1.0	27.25
156	Nông Văn	Quân	TQU004497	2	23.75	3.5	27.25
157	Nguyễn Thị	Huyền	TDV013542	2	25.75	1.5	27.25
158	Bùi Thị Hải	Linh	TDV016205	2	26.75	0.5	27.25
159	Nông Thị	Son	TND021467	2	23.75	3.5	27.25
160	Đặng Thị	Nga	TDV020349	2	25.75	1.5	27.25
161	Đinh Thị	Chinh	HDT002715	2	23.75	3.5	27.25
162	Dương Thị Thục	Chinh	TND002475	2	23.75	3.5	27.25
163	Hà Thị	Hằng	KQH004209	2	23.75	3.5	27.25
164	Đào Thị Tú	Linh	THV007314	2	25.75	1.5	27.25
165	Nguyễn Tấn	Hòa	TQU001965	2	23.75	3.5	27.25
166	Lê Thị Huệ	Duyên	HDT004620	2	25.75	1.5	27.25
167	Ma Thị Thu	Hoài	TQU001996	2	23.75	3.5	27.25
168	Lù Thị	Tâm	DCN009835	2	23.75	3.5	27.25
169	Lê Thị Minh	Thảo	TQU005062	2	25.75	1.5	27.25
170	Lã Thị	Linh	YTB012556	2	25.75	1.5	27.25
171	La Thị	Dung	THV002048	2	23.75	3.5	27.25
172	Đỗ Thị Thái	Hà	HDT006565	2	26.25	1.0	27.25
173	Phạm Thu	Hảo	THP004409	2	26.75	0.5	27.25
174	Nguyễn Thị Hà	Thương	HDT025520	1	26.75	0.5	27.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
175	Trần Thị	Luyến	TND015426	1	25.75	1.5	27.25
176	Nguyễn Duy	Tuấn	KQH015443	1	25.75	1.5	27.25
177	Ngô Duy Hồng	Quân	LNH007568	1	25.75	1.5	27.25
178	Lý Thị Bích	Nguyệt	TND018376	1	23.75	3.5	27.25
179	Nông Thị	Xâm	TND029728	1	23.75	3.5	27.25
180	Nguyễn Kim	Chi	THV001265	1	25.75	1.5	27.25
181	Nguyễn Thị Thanh	Mai	KQH008813	1	23.75	3.5	27.25
182	Hoàng Thu	Hoàn	TND009280	1	23.75	3.5	27.25
183	Nguyễn Thị	Quỳnh	DHU019103	1	24.75	2.5	27.25
184	Hoàng Phương	Anh	SPH000401	1	26.75	0.5	27.25
185	Hồ Văn	Trai	DHU024012	1	23.75	3.5	27.25
186	Vũ Thị Ngọc	ánh	TND001460	1	23.75	3.5	27.25
187	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	TDV007883	1	25.75	1.5	27.25
188	Lục Thu	Hồng	TND009756	1	23.75	3.5	27.25
189	Nguyễn Thị	Lan	TND013328	1	25.75	1.5	27.25
190	Nông Thu	Hồng	TND009851	1	23.75	3.5	27.25
191	Cao Thị Thu	Hoài	TND009065	1	25.75	1.5	27.25
192	Chờ Thị	Huyền	TND010935	1	23.75	3.5	27.25
193	Lò Thị	Quy	TND020656	1	23.75	3.5	27.25
194	Phùng Thị Kiều	Trình	HDT027446	1	25.75	1.5	27.25
195	Nguyễn Phương	Trang	THP015142	1	26.25	1.0	27.25
196	Đàm Thị	Thảo	KQH012532	1	23.75	3.5	27.25
197	Đặng Thị	Liêm	KQH007587	2	23.50	3.5	27.00
198	Phạm Thị	Hằng	HDT008053	2	26.00	1.0	27.00
199	Bùi Thị Trà	My	TTB004084	2	25.50	1.5	27.00
200	Phạm Mai	Trang	TND026654	2	25.50	1.5	27.00
201	Đoàn Thị Phương	Trình	TND026914	2	23.50	3.5	27.00
202	Hoàng Thị	Ly	HDT015740	2	25.50	1.5	27.00
203	Cà Thị	út	TTB007347	2	23.50	3.5	27.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
204	Trịnh Thị	Châm	TND002122	2	23.50	3.5	27.00
205	Lê Sỹ	Cường	HDT003300	2	26.00	1.0	27.00
206	Nguyễn Hải	Lê	HDT013473	2	26.00	1.0	27.00
207	Đặng Thị	Tâm	TDV026932	2	25.50	1.5	27.00
208	Nông Phương	Thảo	TND023241	2	23.50	3.5	27.00
209	Phạm Thị	Nga	THP010025	2	26.00	1.0	27.00
210	Đặng Thị	Hiền	TTB002121	2	25.50	1.5	27.00
211	Lò Đức	Giang	TTB001642	2	23.50	3.5	27.00
212	Nguyễn Đức	Thành	TQU004993	2	23.50	3.5	27.00
213	Đỗ Thị	Uyên	KQH015939	2	26.50	0.5	27.00
214	Triệu Thị	Mây	TND016355	2	23.50	3.5	27.00
215	Hoàng Thị	Sa	THV011215	2	25.50	1.5	27.00
216	Đặng Hiền	Thương	TND025302	2	25.50	1.5	27.00
217	Bùi Thị Thương	Huyền	YTB009828	2	26.50	0.5	27.00
218	Vũ Thị	Thành	BJA011812	2	26.00	1.0	27.00
219	Đinh Thùy	Linh	LNH005244	2	25.50	1.5	27.00
220	Đặng Thủy	Vân	THV015105	2	23.50	3.5	27.00
221	Chẫu Thị	Đẹp	KQH002942	2	23.50	3.5	27.00
222	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	HDT004666	2	25.50	1.5	27.00
223	Hoàng Thị Thuỷ	Tiên	HDT025655	2	24.50	2.5	27.00
224	Ma Thị	ánh	TQU000275	2	23.50	3.5	27.00
225	Phạm Thị Linh	Trang	HDT027041	2	25.50	1.5	27.00
226	Nông Thị Thu	Hoài	TND009059	2	23.50	3.5	27.00
227	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	THP008419	2	26.00	1.0	27.00
228	Lương Văn	Qui	THV010880	2	23.50	3.5	27.00
229	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	THP009233	2	26.50	0.5	27.00
230	Lương Thị	Vân	TND029086	2	23.50	3.5	27.00
231	Lô Thị ánh	Minh	TDV019267	2	23.50	3.5	27.00
232	Nguyễn Thị Vân	Anh	HDT001193	2	26.00	1.0	27.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
233	Ngô Hồng	Hạnh	TND006956	2	23.50	3.5	27.00
234	Vương Thị Tuyết	Trinh	KQH014933	2	26.50	0.5	27.00
235	Nguyễn Ngọc	Lan	DCN005913	2	25.50	1.5	27.00
236	Trần Diệu	Linh	TTB003588	2	25.50	1.5	27.00
237	Triệu Văn	Tuyền	TND028499	2	23.50	3.5	27.00
238	Nguyễn Thị Thu	Hiền	TTB002147	1	25.50	1.5	27.00
239	Bùi Thị Lan	Anh	LNH000072	1	23.50	3.5	27.00
240	Nguyễn Thúy	Hằng	THP004564	1	26.50	0.5	27.00
241	Hoàng Thu	Hương	TND011776	1	23.50	3.5	27.00
242	Chầu Thị	Ninh	TQU004156	1	23.50	3.5	27.00
243	Giàng Thị	Pằng	KQH010601	1	23.50	3.5	27.00
244	Trần Thị	Hằng	TQU001659	1	24.50	2.5	27.00
245	Lục Thị	Nhình	TND018730	1	23.50	3.5	27.00
246	Nguyễn Thị	Sang	THP012488	1	26.50	0.5	27.00
247	Hà Thị Kim	Trang	LNH009705	1	23.50	3.5	27.00
248	Hà Thị	Xuyến	TTB007651	1	23.50	3.5	27.00
249	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	TND007570	1	23.50	3.5	27.00
250	Lương Thị Phương	Thảo	THP013325	1	26.50	0.5	27.00
251	Nguyễn Thị	Hằng	TTB002038	1	25.50	1.5	27.00
252	Trần Thị Huyền	Trang	TQU005909	1	25.50	1.5	27.00
253	Lang Thị	Trang	DCN011718	1	23.50	3.5	27.00
254	Vì Thị Thúy	An	TTB000032	1	23.50	3.5	27.00
255	Dương Thị Lan	Anh	TND000157	1	25.50	1.5	27.00
256	Giàng A	Nù	TTB004657	1	23.50	3.5	27.00
257	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	TTB003869	1	25.50	1.5	27.00
258	Hoàng Thị	Hằng	TND007295	1	23.50	3.5	27.00
259	Lò Thị	Thanh	TTB005671	1	23.50	3.5	27.00
260	Bùi Thị Thu	Hà	TND006094	1	25.50	1.5	27.00
261	Trần Thị	Oanh	TDV023128	1	25.50	1.5	27.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

Trang 10

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
262	Trần Thu	Ngân	THV009292	1	25.50	1.5	27.00
263	Nguyễn Thị Hồng	Lê	THV007092	1	25.50	1.5	27.00
264	Giàng A	Lào	TTB003340	1	23.50	3.5	27.00
265	Lường Thị	Hải	TTB001865	1	23.50	3.5	27.00
266	Chu Ngọc	Diệp	TND003446	1	23.50	3.5	27.00
267	Hà Thị	Phượng	LNH007300	1	23.50	3.5	27.00
268	Đậu Thị	Sương	TDV026500	3	25.75	1.0	26.75
269	Đào Thị Vân	Anh	TDV000349	2	26.25	0.5	26.75
270	Nguyễn Hải	Yến	TDV036957	2	25.25	1.5	26.75
271	Bùi Thị Thúy	Hiền	THV004244	2	25.25	1.5	26.75
272	Chu Thị	Thảo	TTB005838	2	23.25	3.5	26.75
273	Lê Thị	Phượng	HDT020198	2	25.75	1.0	26.75
274	Tống Thị	Mai	HDT016152	2	25.25	1.5	26.75
275	Lèng Thị	Như	TQU004142	2	23.25	3.5	26.75
276	Hoàng Thị	Mai	TQU003506	2	23.25	3.5	26.75
277	Hà Ngọc	Huyền	HDT011301	2	23.25	3.5	26.75
278	Phạm Thị	Thảo	YTB019918	2	26.25	0.5	26.75
279	Bùi Thị	Thủy	TDV030302	2	25.75	1.0	26.75
280	Lê Thị	Nhung	HDT018777	2	26.25	0.5	26.75
281	Phạm Việt	Trình	THP015567	2	26.25	0.5	26.75
282	Lê Thị Kim	Anh	HDT000628	2	25.25	1.5	26.75
283	Nguyễn Thu	Thảo	LNH008590	2	25.25	1.5	26.75
284	Trương Thị Hồng	Vân	TDV035937	2	25.25	1.5	26.75
285	Nguyễn Thị	Gái	TDV007083	2	25.25	1.5	26.75
286	Lao Thị Hồng	Hoài	TND009109	2	23.25	3.5	26.75
287	Lao Thị Ngọc	ánh	TND001317	2	23.25	3.5	26.75
288	Dương Thị Thu	Hương	TND011695	2	23.25	3.5	26.75
289	Vũ Thủy	Tiên	THV013361	2	25.25	1.5	26.75
290	Bùi Thị Băng	Trình	LNH009970	2	23.25	3.5	26.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

Trang 11

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
291	Đào Anh	Dũng	THV002162	2	25.25	1.5	26.75
292	Triệu Diễm	Quỳnh	THV011180	2	23.25	3.5	26.75
293	Trương Hải	Yến	TND030159	2	23.25	3.5	26.75
294	Nguyễn Thị Thùy	Dung	TQU000854	2	25.25	1.5	26.75
295	Triệu Thị Thanh	Viễn	DCN013068	2	23.25	3.5	26.75
296	Lê Thị Hoài	Thơ	DHU022300	2	25.25	1.5	26.75
297	Bùi Thị	Hà	LNH002420	2	23.25	3.5	26.75
298	Nguyễn Như	Quỳnh	TND021137	1	25.25	1.5	26.75
299	Nguyễn Quỳnh	Lâm	SPH009178	1	25.75	1.0	26.75
300	Nguyễn Thị Lệ	Thu	SPH016347	1	26.25	0.5	26.75
301	Nông Thị	Hạnh	SPH005412	1	24.75	2.0	26.75
302	Lê Linh	Chi	SPH002364	1	26.25	0.5	26.75
303	Lăng Thị	Hoài	TND009110	1	23.25	3.5	26.75
304	Nguyễn Bá	Ngọc	THP010357	1	24.25	2.5	26.75
305	Nguyễn Văn	Mạnh	SPH011175	1	26.25	0.5	26.75
306	Phạm Hồng	Sơn	HDT021848	1	25.25	1.5	26.75
307	Màng Thị	Nhộn	TTB004558	1	23.25	3.5	26.75
308	Bùi Thị	Liên	LNH005108	1	23.25	3.5	26.75
309	Nông Thị Xuân	Hòa	TQU001968	1	23.25	3.5	26.75
310	Đào Thị	Hương	HDT011993	1	25.75	1.0	26.75
311	Ngô Thị	Hạnh	TND006962	1	25.75	1.0	26.75
312	Đàm Thị Huyền	Trần	TND026852	1	23.25	3.5	26.75
313	Bùi Chính	Nghĩa	LNH006547	1	23.25	3.5	26.75
314	Phan Thị Phương	Thảo	TDV028344	1	25.75	1.0	26.75
315	Hà ánh	Ngọc	THV009444	1	23.25	3.5	26.75
316	Nguyễn Khánh	Linh	YTB012675	1	25.25	1.5	26.75
317	Nguyễn Việt	Hà	THP003899	1	26.25	0.5	26.75
318	Nguyễn Thị	Vân	TDV035875	1	25.25	1.5	26.75
319	Phùng Thị	Quyên	TND020831	1	23.25	3.5	26.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

Trang 12

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
320	Nguyễn Thu	Trang	TQU005861	1	25.25	1.5	26.75
321	Nguyễn Thị	Nga	HDT017467	1	25.75	1.0	26.75
322	Hồ Thị	ánh	TDV001687	1	25.25	1.5	26.75
323	Nguyễn Thu	Trang	KQH014676	1	26.25	0.5	26.75
324	Bàn Thị	Tuyền	TQU006280	1	23.25	3.5	26.75
325	Nguyễn Thành	Trung	TND027181	1	23.25	3.5	26.75
326	Nguyễn Đình	Cảnh	HDT002326	1	25.75	1.0	26.75
327	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	TDV013721	1	26.25	0.5	26.75
328	Nguyễn Thị	Thanh	KQH012316	2	26.00	0.5	26.50
329	Lê Đình	Đạt	HDT005241	2	23.00	3.5	26.50
330	Hoàng Thị Đình	Mỹ	HDT016855	2	25.00	1.5	26.50
331	Đỗ Thùy	Trang	HHA014438	2	26.00	0.5	26.50
332	Lò Thị	Tiệm	TTB006534	2	23.00	3.5	26.50
333	Quàng Văn	Dũng	TTB001248	2	23.00	3.5	26.50
334	Lò Thị	Mừng	TTB004079	2	23.00	3.5	26.50
335	Đặng Thị	Bảy	THV000922	2	23.00	3.5	26.50
336	Lương Thị Lệ	Thu	THV012815	2	23.00	3.5	26.50
337	Nguyễn Thị Minh	Thư	TLA013516	2	26.00	0.5	26.50
338	Bùi Thị Thúy	Quỳnh	TQU004582	2	25.00	1.5	26.50
339	Đậu Thị Hà	Thu	HDT024340	2	25.50	1.0	26.50
340	Nguyễn Văn	Tân	THV011742	2	25.00	1.5	26.50
341	Nguyễn Thị Hương	Giang	THV003309	2	25.00	1.5	26.50
342	Đinh Thị	Ngân	DCN007924	2	23.00	3.5	26.50
343	Lê Thị	Hằng	HDT007837	2	25.50	1.0	26.50
344	Lường Văn	Khiêm	LNH004811	2	23.00	3.5	26.50
345	Lê Thị Bích	Thảo	DCN010221	2	26.00	0.5	26.50
346	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	TND018396	2	23.00	3.5	26.50
347	Phạm Thị	Giang	HDT006412	2	25.50	1.0	26.50
348	Lê Thị	Dung	HDT003866	2	25.50	1.0	26.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
349	Vũ Thị Thanh	Xuân	KQH016470	2	25.50	1.0	26.50
350	Nguyễn Thị	Thảo	TDV028260	2	25.00	1.5	26.50
351	Nguyễn Thu	Thoàn	TQU005304	2	23.00	3.5	26.50
352	Sầm Thị	Tuyền	TND028496	2	23.00	3.5	26.50
353	Đàm Thị	Trang	TND026077	2	23.00	3.5	26.50
354	Hoàng Thị	Loan	TDV017523	2	25.50	1.0	26.50
355	Đinh Kiều	Oanh	TTB004677	2	23.00	3.5	26.50
356	Đường Thu	Quyên	TND020757	2	23.00	3.5	26.50
357	Lương Thị	Thảo	THV012200	2	23.00	3.5	26.50
358	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	HDT018040	2	25.00	1.5	26.50
359	Vàng Thị	Cúc	THV001679	2	23.00	3.5	26.50
360	Nguyễn Thị Hằng	Nga	TDV020447	2	25.00	1.5	26.50
361	Phan Thị Thùy	Trang	TDV032871	2	25.00	1.5	26.50
362	Trần Thị Thuỳ	Dương	THP002832	2	26.00	0.5	26.50
363	Nguyễn Thị Yến	Nhi	TDV022187	2	26.00	0.5	26.50
364	Đỗ Mai	Hương	THP006938	2	26.00	0.5	26.50
365	Tô Thị Thu	Hà	TND006459	2	23.00	3.5	26.50
366	Trần Uyên	Chi	TDV003028	2	25.00	1.5	26.50
367	Đặng Thị	Khánh	TDV014850	2	25.50	1.0	26.50
368	Phà Thó	Xa	THV015435	2	23.00	3.5	26.50
369	Lại Thị	Minh	DCN007378	2	25.50	1.0	26.50
370	Bùi Thị Thanh	Tú	TDV034185	2	25.50	1.0	26.50
371	Vũ Thùy	Linh	YTB013205	2	24.50	2.0	26.50
372	Hoàng Thu	Trang	TQU005797	2	23.00	3.5	26.50
373	Trịnh Thị Như	Quỳnh	HDT021335	2	23.00	3.5	26.50
374	Nguyễn Nhật	Linh	SPH009836	1	26.00	0.5	26.50
375	Đàm Thị Mỹ	Linh	KQH007744	1	23.00	3.5	26.50
376	Phan Mỹ	Hạnh	TQU001564	1	25.00	1.5	26.50
377	Nguyễn Thị Hà	Trang	LNH009779	1	23.00	3.5	26.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
378	Nguyễn Thị Tuyết	Anh	HVN000521	1	25.50	1.0	26.50
379	Sáng Thị	Chính	TQU000537	1	23.00	3.5	26.50
380	Sùng Thị	Dợ	TQU000804	1	23.00	3.5	26.50
381	Pờ Mé	Nu	TTB004653	1	23.00	3.5	26.50
382	Đàm Thị	Kiều	TND013050	1	23.00	3.5	26.50
383	Nguyễn Thị	Thuận	TND024540	1	25.00	1.5	26.50
384	Phạm Thị	Hương	THP007127	1	26.00	0.5	26.50
385	Trần Thị Phương	Hoa	LNH003464	1	25.00	1.5	26.50
386	Nguyễn Thị Thùy	Linh	LNH005414	1	25.00	1.5	26.50
387	Hàn Thị Ngọc	Mai	KQH008728	1	23.00	3.5	26.50
388	Hoàng ánh	Nguyệt	TND018349	1	23.00	3.5	26.50
389	Lường Thị	Thanh	TTB005681	1	23.00	3.5	26.50
390	Ngọ Thị Kim	Oanh	HDT019240	1	25.50	1.0	26.50
391	Lã Văn	Băng	DCN000946	1	25.50	1.0	26.50
392	Nông Thị	Hằng	TND007466	1	23.00	3.5	26.50
393	Doãn Thị Thu	Hường	KQH006833	1	26.00	0.5	26.50
394	Vũ Lê	Hà	LNH002602	1	25.00	1.5	26.50
395	Nguyễn Thị	Hương	THV006207	1	23.00	3.5	26.50
396	Lương Thảo	Phương	TND019873	1	23.00	3.5	26.50
397	Nguyễn Minh	Huyền	LNH004226	1	25.00	1.5	26.50
398	Lò Thị	Hà	THV003489	1	23.00	3.5	26.50
399	Hoàng Thị Xuân	Quỳnh	SPH014470	1	26.00	0.5	26.50
400	Âu Thị	Sen	TQU004680	1	23.00	3.5	26.50
401	Triệu Thị	Hằng	TND007506	1	23.00	3.5	26.50
402	Trần Thị	Hằng	HHA004440	1	23.00	3.5	26.50
403	Trần Thị Thanh	Huyền	TDV013953	1	25.00	1.5	26.50
404	Hoàng Thị	Lành	TND013442	1	23.00	3.5	26.50
405	Lý A	Chớ	TTB000675	1	23.00	3.5	26.50
406	Hoàng Minh	Thành	DHU020770	1	25.00	1.5	26.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
407	Nguyễn Thị Thu	Ngoan	TND017827	1	25.00	1.5	26.50
408	Giàng Thị	Giông	TTB001689	1	23.00	3.5	26.50
409	Nguyễn Thị Thu	Thúy	TND025029	1	26.00	0.5	26.50
410	Triệu Thị Kim	Dung	SPH003113	1	25.00	1.5	26.50
411	Đặng Thị	Múi	TND016742	1	23.00	3.5	26.50
412	Mạc Quỳnh	Anh	THP000387	1	26.00	0.5	26.50
413	Trần Ngọc	Mai	TND016088	1	23.00	3.5	26.50
414	Lê Phương	Hiền	HVN003374	1	24.00	2.5	26.50
415	Nguyễn Diệu	Linh	SPH009704	1	25.50	1.0	26.50
416	Lò Trung	Thành	TTB005740	1	23.00	3.5	26.50
417	Lý Thị	Ghền	TND005756	1	23.00	3.5	26.50
418	Đào Thị	Yến	TND029935	1	25.00	1.5	26.50
419	Dương Hồng	Sơn	TND021498	1	25.00	1.5	26.50
420	Lò Thị Tố	Uyên	TTB007359	1	23.00	3.5	26.50
421	Nông Thị Vân	Hoa	TND008828	1	23.00	3.5	26.50
422	Phạm Tân	Trang	TTB006818	1	25.00	1.5	26.50
423	Tạ Minh	Loan	THV007904	1	25.00	1.5	26.50
424	Thào A	Pó	TTB004987	1	23.00	3.5	26.50
425	Hà Thị	Bình	LNH000821	1	23.00	3.5	26.50
426	Phạm Thị	Loan	YTB013323	3	25.25	1.0	26.25
427	Hồ Thị	Mỹ	TDV019662	2	24.75	1.5	26.25
428	Lò Thị	Dung	THV002060	2	22.75	3.5	26.25
429	Hoàng Thị Lan	Anh	TND000369	2	24.75	1.5	26.25
430	Lê Thị Thanh	Huyền	KQH006144	2	25.75	0.5	26.25
431	Đinh Thị	Hường	LNH004614	2	22.75	3.5	26.25
432	Nguyễn Nhật	Lệ	TND013711	2	24.75	1.5	26.25
433	Nguyễn Thị	Định	BKA003042	2	23.25	3.0	26.25
434	Hoàng Thị Thùy	Linh	THV007420	2	24.75	1.5	26.25
435	Vũ Phương	Hoa	TQU001940	2	22.75	3.5	26.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

Trang 16

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
436	Nguyễn Thị Thiên	Hương	TDV014439	2	25.25	1.0	26.25
437	Hà Đình	Công	THV001592	2	22.75	3.5	26.25
438	Vũ Thị Bích	Châm	THP001451	2	25.75	0.5	26.25
439	Nguyễn Anh	Thư	TDV030836	2	25.25	1.0	26.25
440	Lương Thị	Bình	HDT002193	2	22.75	3.5	26.25
441	Đỗ Thị Thảo	Anh	YTB000268	2	25.75	0.5	26.25
442	Lại Thị Bình	Huế	DHU007894	2	25.75	0.5	26.25
443	Lê Thị	Hà	HDT006658	2	25.25	1.0	26.25
444	Đỗ Thị	Hoa	THV004702	2	24.75	1.5	26.25
445	Trần Thị	Hạnh	TDV008707	2	24.75	1.5	26.25
446	Đình Hoàng	Mai	HDT015943	2	24.75	1.5	26.25
447	Nguyễn Thị Mai	Hương	TDV014432	2	25.75	0.5	26.25
448	Nguyễn Văn	Thiên	THP013793	2	25.25	1.0	26.25
449	Phan Thị	Thương	TDV031159	2	24.75	1.5	26.25
450	Lê Thị Khánh	Ly	TDV018286	2	25.75	0.5	26.25
451	Lê Thị Bình	Tiên	TDV031309	2	24.75	1.5	26.25
452	Đình Thị Trang	Nhung	TDV022297	2	25.75	0.5	26.25
453	Nguyễn Thị	Huyền	HDT011476	2	25.25	1.0	26.25
454	Đỗ Thuỳ	Duyên	TQU000975	2	22.75	3.5	26.25
455	Vũ Thị	Hiền	THV004397	2	22.75	3.5	26.25
456	Lý Thị Tuyết	Nhung	THV009898	2	22.75	3.5	26.25
457	Lương ý	Dung	KQH002046	2	22.75	3.5	26.25
458	Vương Thị Linh	Chi	HDT002573	2	24.75	1.5	26.25
459	Hoàng Thị	Lực	KQH008501	2	22.75	3.5	26.25
460	Lê Thị	Hiền	TDV009806	2	24.75	1.5	26.25
461	Lù Thị	Trang	THV013768	2	22.75	3.5	26.25
462	Đồng Mai	Phương	TND019770	2	22.75	3.5	26.25
463	Đặng Thị Thanh	Hà	TND006161	2	22.75	3.5	26.25
464	Nguyễn Thị	Lành	TDV015733	2	24.75	1.5	26.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

Trang 17

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
465	Hoàng Thị Mai	Liễu	TND013933	2	22.75	3.5	26.25
466	Lã Thị	Thanh	TQU004948	2	24.75	1.5	26.25
467	Vi Thị	Thuyết	THV013199	2	22.75	3.5	26.25
468	Nguyễn Thị	Hồng	TND009799	2	24.75	1.5	26.25
469	Nguyễn Thị	Hằng	TDV009221	2	24.75	1.5	26.25
470	Lê Thúy	Nga	DHU013914	2	25.75	0.5	26.25
471	Lê Thị Hồng	Ngát	YTB015320	2	25.25	1.0	26.25
472	Hoàng Thị	Duyên	TND004302	2	22.75	3.5	26.25
473	Nguyễn Thị	Tinh	HHA014236	2	25.25	1.0	26.25
474	Lê Thị	Thúy	HHA013877	2	25.75	0.5	26.25
475	Trần Thị Phương	Anh	HHA000947	2	24.75	1.5	26.25
476	Phạm Văn	Thảo	TND023293	2	24.75	1.5	26.25
477	Hoàng Thị	Hồng	TLA005694	2	25.75	0.5	26.25
478	Nhữ Thị Ngọc	ánh	TLA001473	2	25.75	0.5	26.25
479	Nguyễn Thị Lan	Hương	SPH008370	1	25.75	0.5	26.25
480	Nguyễn Văn	Tùng	TLA015205	1	26.25		26.25
481	Phạm Thị	ánh	TDV001877	1	24.75	1.5	26.25
482	Vương Quốc	Nam	THP009905	1	25.25	1.0	26.25
483	Nguyễn Thị Thanh	Hải	TND006710	1	24.75	1.5	26.25
484	Nông Thị	Thơm	TQU005337	1	22.75	3.5	26.25
485	Phạm Thị	Hạnh	HDT007593	1	24.75	1.5	26.25
486	Triệu Thị	Thùy	KQH013612	1	22.75	3.5	26.25
487	Hoàng Thị	Vân	HDT029488	1	25.25	1.0	26.25
488	Dương Thị Bích	Phượng	THV010603	1	24.75	1.5	26.25
489	Lê Thị Hồng	Vân	HDT029506	1	25.75	0.5	26.25
490	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	TND002165	1	25.75	0.5	26.25
491	Triệu Thùy	Linh	TND014764	1	22.75	3.5	26.25
492	Nguyễn Thị	Dịu	THP002119	1	25.75	0.5	26.25
493	Nông Thị	Mến	TQU003587	1	22.75	3.5	26.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

Trang 18

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
494	Thào A	Chứ	TTB000795	1	22.75	3.5	26.25
495	Bùi Thị	Thơm	TDV029641	1	24.75	1.5	26.25
496	Nguyễn Ngọc	Bích	SPH002019	1	25.75	0.5	26.25
497	Lương Thị	Yến	TND030011	1	22.75	3.5	26.25
498	Nguyễn Thị Kiều	Trang	DCN011807	1	25.75	0.5	26.25
499	Hà Thị	Quỳnh	TND021038	1	22.75	3.5	26.25
500	Trần Thị Hồng	Vinh	TDV036256	1	24.75	1.5	26.25
501	Hà Thị Kim	Liên	HDT013607	1	22.75	3.5	26.25
502	Vừ Seo	Hòa	THV004876	1	22.75	3.5	26.25
503	Nguyễn Thị	Giang	TDV007288	1	24.75	1.5	26.25
504	Lương Thị Huyền	Trang	DCN011740	1	22.75	3.5	26.25
505	Nguyễn Thị	Trang	HDT026941	1	25.25	1.0	26.25
506	Dương Thị Hồng	Nhung	SPH013023	1	25.75	0.5	26.25
507	Trương Thị ánh	Tuyết	HDT029143	1	22.75	3.5	26.25
508	Nông Thị	Nguyệt	TQU004013	1	22.75	3.5	26.25
509	Nguyễn Ngân	Hồng	TQU002144	1	22.75	3.5	26.25
510	Nông Thị Thiên	Trang	TND026627	1	22.75	3.5	26.25
511	Bùi Thị Tuyết	Chinh	SPH002526	1	25.75	0.5	26.25
512	Bùi Thị	Phương	TND019724	1	22.75	3.5	26.25
513	Nguyễn Trang	Ly	TQU003480	1	24.75	1.5	26.25
514	Phạm Thị Thu	Thủy	DCN011084	1	25.75	0.5	26.25
515	Tô Thúy	Hằng	TLA004679	1	26.25		26.25
516	Nguyễn Thị	Anh	KQH000429	1	24.75	1.5	26.25
517	Hoàng Thị	Len	TND013612	1	22.75	3.5	26.25
518	Lê Thị Hồng	Hạnh	TTB001925	1	24.75	1.5	26.25
519	Hoàng Thị	Sen	TND021390	1	22.75	3.5	26.25
520	Nguyễn Thu	Trang	HDT026991	2	22.50	3.5	26.00
521	Phạm Thị	Linh	KQH008053	2	25.50	0.5	26.00
522	Hoàng Thị	Nghiệp	TQU003878	2	22.50	3.5	26.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

Trang 19

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
523	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	SPH013096	2	25.50	0.5	26.00
524	Hoàng Thị	Ninh	TND019159	2	22.50	3.5	26.00
525	Nguyễn Bích	Hòa	TTB002379	2	24.50	1.5	26.00
526	Vũ Thị ánh	Tuyết	THP016392	2	25.50	0.5	26.00
527	Nguyễn Mạnh	Linh	SPH009822	2	25.00	1.0	26.00
528	Trần Thị Thanh	Mai	THP009299	2	25.50	0.5	26.00
529	Phàn Thị	Mấy	TQU003576	2	22.50	3.5	26.00
530	Đỗ Thị	Duyên	KQH002424	2	25.50	0.5	26.00
531	Lê Thị	Loan	HDT015087	2	24.50	1.5	26.00
532	Nguyễn Thị Hương	Lan	THV006923	2	22.50	3.5	26.00
533	Nguyễn Thị	Nhàn	THP010708	2	25.00	1.0	26.00
534	Đặng Thị	Thành	TDV027630	2	24.50	1.5	26.00
535	Chu Thị	Hương	TDV014213	2	24.50	1.5	26.00
536	Nguyễn Thị	Trang	HDT026850	2	25.00	1.0	26.00
537	Nông Thị Mai	Trang	TND026625	2	22.50	3.5	26.00
538	Nguyễn Bích	Ngọc	TQU003919	2	24.50	1.5	26.00
539	Phạm Thị Thanh	Hải	YTB006466	2	25.00	1.0	26.00
540	Mai Thị Thanh	Hà	TQU001412	2	24.50	1.5	26.00
541	Bùi Thị	Mến	HDT016401	2	22.50	3.5	26.00
542	Dương Thị Quỳnh	Trang	TDV032074	2	24.50	1.5	26.00
543	Nguyễn Thị	Vân	TDV035844	2	24.50	1.5	26.00
544	Trần Thị	Trang	TDV033109	2	24.50	1.5	26.00
545	Phạm Lâm	Oanh	LNH007144	2	24.50	1.5	26.00
546	Đông Thị Ngọc	Thơ	KQH013257	2	22.50	3.5	26.00
547	Lê Thị Minh	Thu	TQU005354	2	24.50	1.5	26.00
548	Nguyễn Thị	Huệ	HDT010545	2	25.00	1.0	26.00
549	Trần Mạnh	Cường	TDV004078	2	24.50	1.5	26.00
550	Nguyễn Thị	Quỳnh	TDV025522	2	25.00	1.0	26.00
551	Hà Kim	Oanh	TTB004678	2	24.50	1.5	26.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

Trang 20

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
552	Nguyễn Văn	Thành	THV012023	2	24.50	1.5	26.00
553	Phạm Thị Diệu	Hằng	BKA004295	2	25.50	0.5	26.00
554	Vũ Thị Minh	Nguyệt	TQU004022	2	24.50	1.5	26.00
555	Lê Thị	Thư	THV013212	2	22.50	3.5	26.00
556	Lê Thị	Hạnh	HDT007502	2	23.50	2.5	26.00
557	Hoàng Thị	Tấm	TND022175	2	22.50	3.5	26.00
558	Nguyễn Thị	Thơm	TDV029704	2	24.50	1.5	26.00
559	Phạm Thị	Huyền	HDT011613	2	25.00	1.0	26.00
560	Vi Thị Thảo	Ly	TND015781	2	22.50	3.5	26.00
561	Chu Thị	Ngọc	YTB015579	2	25.00	1.0	26.00
562	Nguyễn Thị	Thuận	TDV030027	2	25.00	1.0	26.00
563	Hoàng Thị	Trang	TQU005793	2	22.50	3.5	26.00
564	Dương Thị	Dung	SPH002980	2	25.50	0.5	26.00
565	Nguyễn Thị Anh	Thư	TTB006447	2	24.50	1.5	26.00
566	Hoàng Thị	Hoa	THP005281	2	25.00	1.0	26.00
567	Đào Thị Thu	Hương	TQU002596	2	22.50	3.5	26.00
568	Đào Thùy	Trang	TQU005766	2	24.50	1.5	26.00
569	Võ Thị Tuyết	Mây	TDV019139	2	24.50	1.5	26.00
570	Lê Phùng Thùy	Dương	TTB001343	2	24.50	1.5	26.00
571	Phạm Thị Kiều	Dung	DHU002905	2	24.50	1.5	26.00
572	Lê Thị	Ninh	HDT019102	2	25.00	1.0	26.00
573	Dương Thùy	Linh	SPH009423	2	24.50	1.5	26.00
574	Trần Ngọc	Toàn	KHA010183	2	25.00	1.0	26.00
575	Phạm Thị ánh	Nhật	HDT018536	1	24.50	1.5	26.00
576	Dương Thị	Huyền	TQU002411	1	22.50	3.5	26.00
577	Nông Văn	Nam	TTB004168	1	22.50	3.5	26.00
578	Nguyễn Thị Hương	Ly	YTB013836	1	25.00	1.0	26.00
579	Nguyễn Thị	Hằng	HDT008001	1	24.50	1.5	26.00
580	Đỗ Thu	Nga	HHA009697	1	24.50	1.5	26.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
581	Tòng Thị	Thu	THV012859	1	22.50	3.5	26.00
582	Trần Lan	Hương	YTB010877	1	25.50	0.5	26.00
583	Trần Hương	Giang	TND006025	1	24.50	1.5	26.00
584	Hồ Ngọc Bích	Phượng	HHA011075	1	24.50	1.5	26.00
585	Xin Thị	Liên	TQU003047	1	22.50	3.5	26.00
586	Sùng A	Pênh	TTB004732	1	22.50	3.5	26.00
587	Nguyễn Thu	Quỳnh	TND021203	1	24.50	1.5	26.00
588	Trần Minh	Quang	THV010774	1	24.50	1.5	26.00
589	Lường Mai	Chinh	TTB000619	1	22.50	3.5	26.00
590	Phạm Thị	Hạnh	HDT007597	1	24.50	1.5	26.00
591	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	YTB010126	1	25.50	0.5	26.00
592	Nguyễn Thị Thắng	Hà	THV003533	1	24.50	1.5	26.00
593	Đỗ Thị	Giang	SPH004466	1	25.00	1.0	26.00
594	Hoàng Thị	Loan	TND014960	1	25.00	1.0	26.00
595	Vũ Thị	Phượng	YTB017528	1	25.00	1.0	26.00
596	Mạc Thị	Hiến	TND008102	1	22.50	3.5	26.00
597	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	TTN013748	1	24.50	1.5	26.00
598	Tòng Thị	Nguyên	TTB004453	1	22.50	3.5	26.00
599	Mai Huệ	An	HDT000054	1	25.00	1.0	26.00
600	Đỗ Ngọc	Anh	TND000176	1	24.50	1.5	26.00
601	Nguyễn Thị	Huệ	TND010236	1	22.50	3.5	26.00
602	Nguyễn Thị Tú	Anh	TTB000196	1	24.50	1.5	26.00
603	Nguyễn Minh	Huyền	TDV013506	1	25.50	0.5	26.00
604	Triệu Thị Thu	Hường	TND012247	1	22.50	3.5	26.00
605	Đặng Thị	Linh	TDV016336	1	25.00	1.0	26.00
606	Nguyễn Thị	Yến	TQU006635	1	24.50	1.5	26.00
607	Lộc Thị	Sao	TND021362	1	22.50	3.5	26.00
608	Y Hoàng	Miê	TTN006948	1	22.50	3.5	26.00
609	Hoàng Thị Linh	Chi	TND002230	1	22.50	3.5	26.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
610	Lê Thị Mai	Hương	DQN009066	1	24.50	1.5	26.00
611	Hoàng Thị Thu	Hiền	TND007830	1	22.50	3.5	26.00
612	Nguyễn Thị Thu	Hương	YTB010788	1	25.00	1.0	26.00
613	Trương Thị Thu	Trang	SPH017853	1	25.00	1.0	26.00
614	Triệu Thị Khánh	Hòa	TND009021	1	22.50	3.5	26.00
615	Phạm Hồng	Nhung	TND019005	1	24.50	1.5	26.00
616	Nguyễn Lưu	Ly	TQU003474	1	24.50	1.5	26.00
617	Nguyễn Đức	Công	LNH001193	1	25.50	0.5	26.00
618	Nguyễn Thị Thu	Trang	SPH017627	1	25.00	1.0	26.00
619	Trần Thị	Anh	THP000856	1	25.00	1.0	26.00
620	Trần Thị Thu	Thuỷ	THV012932	1	24.50	1.5	26.00
621	Bùi Thị Hoài	My	LNH006223	1	22.50	3.5	26.00
622	Bàn Thị	Hường	TND012100	1	22.50	3.5	26.00
623	Phạm Thị	Phương	TND020049	1	24.50	1.5	26.00
624	Hoàng Thị	Hường	TND012138	1	22.50	3.5	26.00
625	Trần Thị	Nga	HDT017531	1	25.00	1.0	26.00
626	Hoàng Thị	Phương	SPH013614	2	25.25	0.5	25.75
627	Nguyễn Thị	Linh	TDV016872	2	24.25	1.5	25.75
628	Nguyễn Thị	Hương	TDV014409	2	24.25	1.5	25.75
629	Vũ Thị Kiều	Anh	LNH000596	2	22.25	3.5	25.75
630	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	HHA014927	2	25.75		25.75
631	Nguyễn Thị	Thạch	KQH012186	2	25.25	0.5	25.75
632	Nguyễn Thị	Phương	HHA011196	2	25.25	0.5	25.75
633	Đinh Thị Kim	Oanh	HDT019183	2	24.75	1.0	25.75
634	Tổng Thị	Duyên	TND004393	2	24.25	1.5	25.75
635	Lâm Thị	Trang	TND026235	2	22.25	3.5	25.75
636	Triệu Anh	Quân	TQU004502	2	22.25	3.5	25.75
637	Chăng Kiều	Hoài	TQU001983	2	22.25	3.5	25.75
638	Đinh Xuân Lâm	Anh	TDV022809	2	24.75	1.0	25.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
639	Sỹ Thị Nhật	Lệ	YTB012157	2	25.25	0.5	25.75
640	Phạm Như Thu	Hường	YTB011074	2	25.25	0.5	25.75
641	Lê Thị	Nhung	HDT018789	2	24.75	1.0	25.75
642	Nguyễn Văn	Khảm	HDT012615	2	22.25	3.5	25.75
643	Nguyễn Việt	Hà	SPH004974	2	24.25	1.5	25.75
644	Trần Thị	Giang	TDV007480	2	25.25	0.5	25.75
645	Lưu Thị Thúy	Huyền	TQU002443	2	22.25	3.5	25.75
646	Trần Thị Kim	Chi	SPH002449	2	24.75	1.0	25.75
647	Trần Thị Trà	My	LNH006246	2	24.25	1.5	25.75
648	Lương Đình	Hùng	TND010463	2	22.25	3.5	25.75
649	Bế Thị Lệ	Thủy	TND024753	2	22.25	3.5	25.75
650	Nguyễn Thị Việt	Nga	TDV020569	2	24.25	1.5	25.75
651	Đinh Thị Ngọc	Hà	TND006154	2	22.25	3.5	25.75
652	Bùi Thị	Ngân	HDT017604	2	24.75	1.0	25.75
653	Phạm Thùy	Linh	TND014702	2	25.25	0.5	25.75
654	Nguyễn Thị	Thắm	THV012413	2	22.25	3.5	25.75
655	Phạm Mai	Linh	THP008476	2	25.25	0.5	25.75
656	Hà Thị	Linh	TDV016421	2	24.25	1.5	25.75
657	Nguyễn Hồng	Nhung	HHA010578	2	24.25	1.5	25.75
658	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	THV009525	2	24.25	1.5	25.75
659	Đỗ Thị	Nhung	YTB016326	2	25.25	0.5	25.75
660	Lê Thị Phương	Mai	TQU003510	2	24.25	1.5	25.75
661	Hoàng Thuý	Kiều	TND013066	2	22.25	3.5	25.75
662	Chu Minh	Trang	DCN011617	2	25.25	0.5	25.75
663	Lê Thị	Dung	HDT003842	2	24.75	1.0	25.75
664	Nguyễn Thị Diệu	Linh	DHU011248	2	24.25	1.5	25.75
665	Nguyễn Hồng	Phi	TND019475	2	24.75	1.0	25.75
666	Ngô Thị	Hiếu	TDV010472	2	24.75	1.0	25.75
667	Ngô Thị	Thùy	TDV030241	2	24.25	1.5	25.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
668	Nguyễn Thị Thu	Dung	THV002093	2	22.25	3.5	25.75
669	Phùng Thị Thu	Huế	TND010121	2	22.25	3.5	25.75
670	Võ Thị	Thúy	TDV030786	2	25.25	0.5	25.75
671	Hoàng Lưu	Ly	TQU003457	2	24.25	1.5	25.75
672	Hoàng Thị Thanh	Mai	TND015935	2	24.25	1.5	25.75
673	Nguyễn Thị Đạo	Diễn	TND003429	2	22.25	3.5	25.75
674	Tạ Duy	Thanh	DCN010032	2	25.25	0.5	25.75
675	Tạ Trần Thu	Hiền	TQU001742	2	24.25	1.5	25.75
676	Lê Thị Thanh	Thảo	THP013315	2	24.75	1.0	25.75
677	Trịnh Thị	Phượng	HDT020281	2	22.25	3.5	25.75
678	Trần Anh	Tuấn	TND028015	2	24.25	1.5	25.75
679	Hà Hoàng	Mai	TND015906	1	22.25	3.5	25.75
680	Nguyễn Thị	Hương	TDV014416	1	24.75	1.0	25.75
681	Lương Thị Thu	Hoài	DCN004228	1	25.25	0.5	25.75
682	Lương Thị Cẩm	Vân	YTB024954	1	25.25	0.5	25.75
683	Hà Thị	Dung	TND003674	1	22.25	3.5	25.75
684	Hà Quốc	Chuyên	TND002750	1	22.25	3.5	25.75
685	Nguyễn Khánh	Linh	SPH009786	1	25.25	0.5	25.75
686	Bạch Thị Thu	Hiền	SPH005842	1	24.75	1.0	25.75
687	Hoàng Thị Bình	Minh	TND016493	1	22.25	3.5	25.75
688	Phạm Thị Bích	Ngọc	KQH009971	1	23.75	2.0	25.75
689	Cao Thị Thúy	Quỳnh	LNH007704	1	24.25	1.5	25.75
690	Khiếu Thị Kim	Anh	YTB000458	1	25.25	0.5	25.75
691	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	HDT025673	1	25.25	0.5	25.75
692	Nguyễn Huy	Khánh	THV006575	1	25.25	0.5	25.75
693	Lưu Thị Thanh	Hoa	TQU001917	1	24.25	1.5	25.75
694	Đặng Thị	Thủy	TQU005452	1	22.25	3.5	25.75
695	Hoàng Thị	Hiếu	TND008338	1	22.25	3.5	25.75
696	Lê Đức	Chung	THP001700	1	24.25	1.5	25.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
697	Nông Trường	Giang	THV003334	1	22.25	3.5	25.75
698	Vi Thị	Thuận	HDT024661	1	22.25	3.5	25.75
699	Đặng Thị	Hồng	KQH005513	1	22.25	3.5	25.75
700	Phạm Thị Huyền	Trang	THV013954	1	24.25	1.5	25.75
701	Nguyễn Thị	Trang	TQU005859	1	24.25	1.5	25.75
702	Nguyễn Thị	Thơm	TND024265	1	24.75	1.0	25.75
703	Đoàn Thị	Hương	DHU009151	1	24.25	1.5	25.75
704	Lý Kiều	Oanh	TQU004198	1	22.25	3.5	25.75
705	Lê Thị	Hạnh	HDT007508	1	24.75	1.0	25.75
706	Hà Thị	Hồng	HDT010044	1	22.25	3.5	25.75
707	Hà Thị Kim	Chanh	TND002080	1	24.25	1.5	25.75
708	Nông Thị Thu	Hoài	TND009186	1	22.25	3.5	25.75
709	Nguyễn Thảo	Trang	DCN011911	1	24.25	1.5	25.75
710	Đàm Thị	Thơm	KQH013270	1	22.25	3.5	25.75
711	Vàng Quảng	Dín	THV001959	1	22.25	3.5	25.75
712	Lưu Thị	Chuyên	TQU000580	1	22.25	3.5	25.75
713	Trần Thị Nguyệt	Hà	TDV008058	1	24.75	1.0	25.75
714	Lý Thị Thúy	Hường	TND012163	1	22.25	3.5	25.75
715	Nguyễn Thị	ánh	KQH000848	1	24.75	1.0	25.75
716	Nguyễn Phan	Hung	TDV014128	1	25.25	0.5	25.75
717	Lê Ngọc	Linh	TND014252	1	24.25	1.5	25.75
718	Triệu Thị	Viên	TND029263	1	22.25	3.5	25.75
719	Triệu Thị	Nam	DCN007756	1	22.25	3.5	25.75
720	Đinh Thị	Quỳnh	KQH011544	1	25.25	0.5	25.75
721	Phạm Thị Thanh	Dung	DCN001758	1	24.75	1.0	25.75
722	Tạ Đức	Hiếu	HDT009046	1	25.25	0.5	25.75
723	Đào Thị Hồng	Nhung	HDT018664	1	25.25	0.5	25.75
724	Hoàng Thảo	Linh	SPH009554	1	24.25	1.5	25.75
725	Nguyễn Thị ánh	Ngọc	SPH012589	4	25.00	0.5	25.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
726	Tần Thị	Thảo	THV012338	2	22.00	3.5	25.50
727	Lương Ngọc	Anh	THV000308	2	24.00	1.5	25.50
728	Lê Như	Quỳnh	HDT021025	2	24.50	1.0	25.50
729	La Thị Ngọc	Châm	TND002101	2	22.00	3.5	25.50
730	Lã Thị Diệu	Linh	LNH005291	2	24.00	1.5	25.50
731	Chế Thị	Nhung	TDV022280	2	25.00	0.5	25.50
732	Trần Thị Lan	Hương	THV006324	2	24.00	1.5	25.50
733	Lê Thị	Loan	HDT015081	2	24.00	1.5	25.50
734	Vũ Thị	Trà	TND025993	2	24.00	1.5	25.50
735	Đồng Thị	Mến	THP009447	2	24.50	1.0	25.50
736	Vi Thị	Hồng	TND009891	2	22.00	3.5	25.50
737	Bùi Thị	Thảo	DCN010163	2	22.00	3.5	25.50
738	Cao Xuân	Hiền	THV004247	2	22.00	3.5	25.50
739	Đặng Thúy	Nga	TDV020350	2	25.00	0.5	25.50
740	Nguyễn Thị Ly	Ly	TDV018365	2	22.00	3.5	25.50
741	Hà Thị	Hồng	HDT010045	2	24.50	1.0	25.50
742	Nhữ Thị Bích	Ngọc	HDT018096	2	24.00	1.5	25.50
743	Hứa Thị	Kiều	TND013056	2	22.00	3.5	25.50
744	Nguyễn Ngọc	Linh	LNH005340	2	24.00	1.5	25.50
745	Nguyễn Thùy	Trang	THV013923	2	24.50	1.0	25.50
746	Dương Thu	Thảo	TTB005843	2	24.00	1.5	25.50
747	Hà Thị Thùy	Viên	THV015191	2	22.00	3.5	25.50
748	Nguyễn Thị Kiều	Trang	THP015172	2	25.00	0.5	25.50
749	Phạm Quốc	Thịnh	LNH008892	2	23.00	2.5	25.50
750	Mai Thị	Hồng	HDT010113	2	24.50	1.0	25.50
751	Vũ Thị	Linh	HDT014998	2	24.50	1.0	25.50
752	Trần Thị Thu	Hiền	HDT008644	2	24.00	1.5	25.50
753	Nông Thị	Phượng	TND020262	2	22.00	3.5	25.50
754	Trần Văn	Mạnh	KQH008961	2	25.00	0.5	25.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)
Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
755	Lê Thị	Như	TDV022628	2	24.00	1.5	25.50
756	Lò Văn	Thêm	TTB006079	2	22.00	3.5	25.50
757	Vi Thị Thu	Trang	DCN012027	2	22.00	3.5	25.50
758	Nguyễn Thị Thu	Hoài	LNH003577	2	22.00	3.5	25.50
759	Đặng Thị Quỳnh	Anh	LNH000171	2	24.00	1.5	25.50
760	Nguyễn Quốc	Tuấn	SPH018613	2	25.00	0.5	25.50
761	Hoàng Thị	Yến	YTB025705	2	24.50	1.0	25.50
762	Trần Thị	Liên	TQU003045	2	24.00	1.5	25.50
763	Trần Thị	Huyền	TND011376	2	22.00	3.5	25.50
764	Lê Hồng	Khanh	LNH004740	2	25.00	0.5	25.50
765	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	HDT018427	2	24.00	1.5	25.50
766	Nguyễn Minh	Huế	SPH007105	2	24.50	1.0	25.50
767	Trịnh Vũ Ngân	Hà	TDV008083	2	25.00	0.5	25.50
768	Quách Thị Hương	Quỳnh	LNH007774	2	22.00	3.5	25.50
769	Trịnh Thùy	Dung	THV002131	2	24.00	1.5	25.50
770	Hoàng Thị	Phùng	TQU004283	2	22.00	3.5	25.50
771	Nguyễn Thị	Hồng	HDT010125	2	24.50	1.0	25.50
772	Từ Thị	Lý	TDV018537	2	24.00	1.5	25.50
773	Lê Thị	Xoan	TDV036623	2	24.00	1.5	25.50
774	Trương Thị Thu	Huyền	TQU002517	2	23.00	2.5	25.50
775	Bùi Thúy	Phượng	TND019710	2	22.00	3.5	25.50
776	Phượng Thị	Hảo	TND007201	2	22.00	3.5	25.50
777	Đào Khánh	Dương	TTB001330	2	24.00	1.5	25.50
778	Nguyễn Anh	Tuấn	THV014555	2	24.00	1.5	25.50
779	Hoàng Hải	Ngân	YTB015364	2	24.00	1.5	25.50
780	Bùi Ngọc	Lan	LNH004941	2	22.00	3.5	25.50
781	Trần Thị Bích	Thùy	TND024739	2	22.00	3.5	25.50
782	Mào Thị	Duyên	TTB001294	1	22.00	3.5	25.50
783	Nguyễn Thị Thùy	Quyên	YTB018085	1	24.50	1.0	25.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
784	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	KQH012829	1	25.00	0.5	25.50
785	Nguyễn Thị	Hạnh	HVN003027	1	25.00	0.5	25.50
786	Sinh Quốc	Toản	TQU005721	1	22.00	3.5	25.50
787	Lý Ngọc	Linh	TND014313	1	22.00	3.5	25.50
788	Phạm Hồng	Thắm	THP013587	1	25.00	0.5	25.50
789	Lê Thị Khánh	Linh	TLA007808	1	25.00	0.5	25.50
790	Nguyễn Thị	Hoa	YTB008243	1	24.50	1.0	25.50
791	Nguyễn Thị	Nga	DCN007834	1	25.00	0.5	25.50
792	Lưu Thanh	Hiền	HVN003386	1	25.00	0.5	25.50
793	Lưu Thị	Phượng	TDV023882	1	24.00	1.5	25.50
794	Ngô Thị Lan	Nhi	HVN007734	1	24.50	1.0	25.50
795	Quan Ngọc	Linh	TND014718	1	22.00	3.5	25.50
796	Đỗ Mai	Hương	KQH006575	1	25.00	0.5	25.50
797	Doãn Thị Ngọc	ánh	SPH001707	1	25.00	0.5	25.50
798	Nguyễn Thị	Duyên	TDV005323	1	24.00	1.5	25.50
799	Lý Thúy	Mai	TND015966	1	22.00	3.5	25.50
800	Nguyễn Ngọc	Tú	TND027531	1	22.00	3.5	25.50
801	Phan Hồng	Nhung	TDV022497	1	24.00	1.5	25.50
802	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	YTB006647	1	24.00	1.5	25.50
803	Đặng Thị	Hiếu	HVN003641	1	24.50	1.0	25.50
804	Trần Thị Thu	Hà	THV003630	1	25.00	0.5	25.50
805	Tạ Vũ Thu	Uyên	TTN022480	1	24.00	1.5	25.50
806	Trịnh Hồng	Trang	HHA014839	1	22.00	3.5	25.50
807	Hoàng Văn	Tuấn	TQU006108	1	22.00	3.5	25.50
808	Quàng Thị	Kim	TTB003246	1	22.00	3.5	25.50
809	Lê Thu	Hà	TTB001744	1	24.00	1.5	25.50
810	Nguyễn Thị Thu	Phượng	SPH013788	1	24.00	1.5	25.50
811	Lê Hoàng	Anh	TDV000565	1	24.50	1.0	25.50
812	Nguyễn Thị	Thu	TND024397	1	22.00	3.5	25.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
813	Vũ Thị Hồng	Ngát	BJA009239	1	24.50	1.0	25.50
814	Lý Thị	Nường	TND019243	1	22.00	3.5	25.50
815	Đàm Thị Minh	Nguyệt	TND018334	1	22.00	3.5	25.50
816	Nguyễn Thị Minh	Phượng	TND019948	1	25.00	0.5	25.50
817	Lò Thị	Hiền	TTB002134	1	22.00	3.5	25.50
818	Lò Văn	Nam	TTB004143	1	22.00	3.5	25.50
819	Vũ Thị Kim	Oanh	THP011225	1	25.00	0.5	25.50
820	Lương Hoài	Thu	THV012812	1	23.00	2.5	25.50
821	Đinh Thị Hà	Duyên	LNH001702	1	25.00	0.5	25.50
822	Bùi Thị	Nhớ	LNH006909	1	22.00	3.5	25.50
823	Nguyễn Thảo	Phượng	THV010522	2	23.75	1.5	25.25
824	Ma Thị	Huế	TND010086	2	21.75	3.5	25.25
825	Nguyễn Khánh	Huyền	TND011177	2	21.75	3.5	25.25
826	Lê Thị	Thùy	SPH016490	2	24.75	0.5	25.25
827	Đỗ Thị Khánh	Linh	KQH007726	2	24.75	0.5	25.25
828	Nguyễn Thị Tú	Quyên	HDT020820	2	24.25	1.0	25.25
829	Đặng Thị Thùy	Linh	BJA007396	2	24.25	1.0	25.25
830	Thiều Thị	Trinh	HDT027451	2	24.75	0.5	25.25
831	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	THP000602	2	24.25	1.0	25.25
832	Mai Thị	Trang	HDT026674	2	24.25	1.0	25.25
833	Nông Thị	Tuyết	THV014933	2	21.75	3.5	25.25
834	Dương Thị	Lương	TND015496	2	24.25	1.0	25.25
835	Ngô Thị	Đào	HDT005142	2	24.25	1.0	25.25
836	Phạm Thị Thu	Huyền	THV005915	2	23.75	1.5	25.25
837	Hoàng Hải	Hiệp	TND008147	2	21.75	3.5	25.25
838	Lê Thị	Ngọc	HDT017949	2	24.75	0.5	25.25
839	Vũ Huy	Hoài	TND009220	2	23.75	1.5	25.25
840	Hà Kiều	Anh	THV000166	2	21.75	3.5	25.25
841	Nguyễn Thị	Liên	HDT013667	2	24.25	1.0	25.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
842	Ngô Xuân	Trường	HVN011476	2	24.25	1.0	25.25
843	Hoàng Thị	Liên	TND013846	2	21.75	3.5	25.25
844	Ma Hoài	Thương	TND025339	2	21.75	3.5	25.25
845	Trần Hồng	Nhung	YTB016506	2	24.25	1.0	25.25
846	Nguyễn Thị	Thảo	THP013390	2	24.25	1.0	25.25
847	Phan Thị Khuyên	Giang	TDV007432	2	23.25	2.0	25.25
848	Nguyễn Thị Thanh	Thương	HHA014060	2	24.25	1.0	25.25
849	Đinh Thị	Hảo	TND007146	2	21.75	3.5	25.25
850	Nguyễn Thị Phương	Thảo	HDT023274	2	23.75	1.5	25.25
851	Lò Văn	Thượng	THV013337	2	21.75	3.5	25.25
852	Cấn Thị	Huyền	DCN004875	2	24.75	0.5	25.25
853	Lô Thị	Hoa	TND008738	2	21.75	3.5	25.25
854	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	THV013348	2	21.75	3.5	25.25
855	Đỗ Hoàng	Long	TND015069	2	23.75	1.5	25.25
856	Trần Thị ánh	Tuyết	DCN012864	2	24.25	1.0	25.25
857	Hoàng Thị Thùy	Linh	THV007419	2	21.75	3.5	25.25
858	Nguyễn Văn	Tuấn	TDV034886	2	21.75	3.5	25.25
859	Trần Thùy	Giang	HDT006459	2	24.25	1.0	25.25
860	Dương Thị	Thương	TLA013548	2	24.25	1.0	25.25
861	Sái Kiều	Liên	TND013898	2	21.75	3.5	25.25
862	Nông Minh	Trang	TND026618	2	21.75	3.5	25.25
863	Lê Thị Mỹ	Hạnh	HDT007525	2	23.75	1.5	25.25
864	Ma Thị Thùy	Trang	TQU005826	2	21.75	3.5	25.25
865	Kiều Thị Huyền	Trang	KQH014436	2	24.75	0.5	25.25
866	Hồ Thị Quỳnh	Anh	DHU000256	2	24.75	0.5	25.25
867	Mai Đình	Thành	HDT022834	2	24.25	1.0	25.25
868	Cao Thị	Xuyến	TND029846	2	21.75	3.5	25.25
869	Hà Văn	Long	HDT015212	2	21.75	3.5	25.25
870	Hà Thị	Hoa	LNH003408	2	21.75	3.5	25.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)
Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
871	Hoàng Thị Thanh	Huyền	HDT011326	2	24.25	1.0	25.25
872	Nguyễn Thị	Dương	DCN002123	2	21.75	3.5	25.25
873	Nguyễn Minh	Thúy	THV013150	2	23.75	1.5	25.25
874	Luân Thị	Thùy	TND024692	1	21.75	3.5	25.25
875	Nguyễn Phương	Thảo	HDT023264	1	24.75	0.5	25.25
876	Bùi Thị Phương	Thảo	LNH008421	1	21.75	3.5	25.25
877	Nguyễn Thị Thanh	Lộc	KHA006173	1	24.75	0.5	25.25
878	Nguyễn Thị Trà	My	TDV019605	1	24.75	0.5	25.25
879	Bùi Thị	Thắm	LNH008646	1	21.75	3.5	25.25
880	Phan Thị	Thơm	TDV029728	1	23.75	1.5	25.25
881	Trần Thị	Thơ	TDV029629	1	24.25	1.0	25.25
882	Phạm Thị Thu	Thảo	TND023291	1	21.75	3.5	25.25
883	Cứ A	Chở	TTB000672	1	21.75	3.5	25.25
884	Giàng A	Phong	TTB004767	1	21.75	3.5	25.25
885	Nguyễn Minh	Thương	TLA013559	1	24.25	1.0	25.25
886	Hứa Thị	Tươi	TND028723	1	21.75	3.5	25.25
887	Đinh Thị	Vân	HHA016046	1	23.75	1.5	25.25
888	Nguyễn Như	Quỳnh	HDT021148	1	23.75	1.5	25.25
889	Nguyễn Thị Thu	Hoài	SPH006705	1	23.75	1.5	25.25
890	Phạm Thị Mỹ	Linh	DCN006549	1	21.75	3.5	25.25
891	Lưu Thị Thuý	Trang	TND026328	1	21.75	3.5	25.25
892	Lương Trần Linh	Chi	TND002248	1	21.75	3.5	25.25
893	Hoàng Thị	ánh	TQU000266	1	21.75	3.5	25.25
894	Đỗ Thị	Linh	TND014063	1	23.75	1.5	25.25
895	Nguyễn Bá Minh	Tú	THV014386	1	23.75	1.5	25.25
896	Vũ Văn	Linh	KQH008144	1	24.75	0.5	25.25
897	Ngân Thu	Huyền	TTB002818	1	21.75	3.5	25.25
898	Hà Thị Hồng	Minh	THV008686	1	21.75	3.5	25.25
899	Bùi Thị Quỳnh	Hương	DCN005243	1	21.75	3.5	25.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
900	Vũ Hà	Nhi	KHA007504	1	24.75	0.5	25.25
901	Đoàn Thị	Tuyết	HDT029039	1	24.25	1.0	25.25
902	Phan Thị	Nga	HDT017490	1	23.75	1.5	25.25
903	Đặng Thị Hương	Thảo	DCN010194	1	21.75	3.5	25.25
904	Doãn Hải	Châu	SPH002225	1	24.25	1.0	25.25
905	Nguyễn Đình	Tiến	DCN011427	1	24.25	1.0	25.25
906	Lèo Huyền	Trang	DCN011720	1	21.75	3.5	25.25
907	Vũ Mỹ	Hoa	YTB008336	1	24.25	1.0	25.25
908	Nông Thị Mai	Chi	TND002289	1	21.75	3.5	25.25
909	Nông Thị Thùy	Linh	TND014645	1	21.75	3.5	25.25
910	Nguyễn Thị	Sen	TND021397	1	23.75	1.5	25.25
911	Điêu Thị	Quỳnh	THV011039	1	21.75	3.5	25.25
912	Vĩ Thị	Nga	HHA009783	1	21.75	3.5	25.25
913	Hoàng Thị Huyền	Trang	HDT026366	2	24.00	1.0	25.00
914	Giàng Thị	Vĩ	TQU006452	2	21.50	3.5	25.00
915	Lê Thị	Dung	HDT003850	2	24.00	1.0	25.00
916	Bùi Hồng	Nhâm	LNH006858	2	21.50	3.5	25.00
917	Hoàng Văn	Hưởng	DCN005558	2	21.50	3.5	25.00
918	Giàng A	Sênh	THV011312	2	21.50	3.5	25.00
919	Nông Thu	Hà	TND006410	2	21.50	3.5	25.00
920	Nông Quỳnh	Hương	TND011964	2	21.50	3.5	25.00
921	Hoàng Thị	Thương	TND025317	2	21.50	3.5	25.00
922	Lê Thị	Dung	HDT003867	2	24.00	1.0	25.00
923	Hoàng Thị	Vân	TND029059	2	21.50	3.5	25.00
924	Mai Thị	Thảo	HDT023246	2	24.00	1.0	25.00
925	Bùi Thị	Thương	THV013261	2	23.50	1.5	25.00
926	Ngô Thị	Duyên	TDV005300	2	23.50	1.5	25.00
927	Thào A	Mếnh	DCN007325	2	22.50	2.5	25.00
928	Hà Thị	My	LNH006229	2	21.50	3.5	25.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
929	Vũ Thị	Dương	THP002855	2	24.50	0.5	25.00
930	Đặng Đình	Tuấn	TDV034566	2	23.50	1.5	25.00
931	Vũ Thị Tuyết	Băng	TND001635	2	23.50	1.5	25.00
932	Vũ Thị	Liên	YTB012306	2	24.00	1.0	25.00
933	Nguyễn Thị Việt	Phượng	THP011646	2	24.50	0.5	25.00
934	Trịnh Thị Lan	Tường	HDT029259	2	23.50	1.5	25.00
935	Phạm Thị Thùy	Dương	TDV005655	2	23.50	1.5	25.00
936	Vũ Thị Lan	Anh	DCN000749	2	24.00	1.0	25.00
937	Vương Thị	Quế	TDV024851	2	24.00	1.0	25.00
938	Trần Thị	Kiều	HDT013015	2	23.50	1.5	25.00
939	Vũ Thị Thu	Hoài	TND009223	2	23.50	1.5	25.00
940	Trần Hồng	Hạnh	TTB001945	2	23.50	1.5	25.00
941	Phạm Việt	Hoa	TTB002337	2	23.50	1.5	25.00
942	Đào Thị	Hà	TDV007591	2	23.50	1.5	25.00
943	Nguyễn Phương	Anh	THV000400	2	24.50	0.5	25.00
944	Phạm Thị	Linh	HDT014743	2	24.00	1.0	25.00
945	Lê Văn	Bắc	TND001595	2	21.50	3.5	25.00
946	Lê Thị Hương	Quỳnh	TDV025388	2	23.50	1.5	25.00
947	Lộc Thị	Lệ	TND013691	2	21.50	3.5	25.00
948	Vũ Thị Kim	Khánh	YTB011385	2	24.50	0.5	25.00
949	Lê Thị	Huyền	HDT011361	2	21.50	3.5	25.00
950	Lường Thị	Nguyệt	TTB004479	2	21.50	3.5	25.00
951	Nông Thị	Hợp	TND009923	1	21.50	3.5	25.00
952	Giàng Thị	Cúc	TTB000864	1	21.50	3.5	25.00
953	Phan Thị	Trinh	TTB006890	1	23.50	1.5	25.00
954	Phùng Thị	Mai	TND016070	1	21.50	3.5	25.00
955	Ngô Thị	Huyền	SPH007796	1	24.50	0.5	25.00
956	Mộc Văn	Chinh	THV001405	1	21.50	3.5	25.00
957	Lê Thị Thu	Thủy	HDT024911	1	24.00	1.0	25.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
958	Cà Thị	Quyên	TTB005106	1	21.50	3.5	25.00
959	Vũ Mạnh	Quyền	KQH011483	1	24.50	0.5	25.00
960	Mùa A	Seng	TND021407	1	21.50	3.5	25.00
961	Nguyễn Thanh	Tùng	THP016190	1	24.50	0.5	25.00
962	Lò Thị	Hương	TTB002956	1	21.50	3.5	25.00
963	Nguyễn Thị Nhật	Huệ	TND010280	1	21.50	3.5	25.00
964	Nông Thị	Gấm	TND005751	1	21.50	3.5	25.00
965	Lương Thị Hải	Yến	TND030008	1	21.50	3.5	25.00
966	Trịnh Thu	Hà	THV003643	1	23.50	1.5	25.00
967	Đặng Thị	Anh	TND000264	1	23.50	1.5	25.00
968	Triệu Thị	Ngát	TND017510	1	21.50	3.5	25.00
969	Vàng Thị	Thủy	THV013091	1	21.50	3.5	25.00
970	Ma ánh	Tuyết	TQU006316	1	21.50	3.5	25.00
971	Lê Tiến	Thành	TND022612	1	24.50	0.5	25.00
972	Hoàng Tiến	Duân	TND003623	1	21.50	3.5	25.00
973	Chu Thị Kim	Chi	TND002199	1	23.50	1.5	25.00
974	Hoàng Thị	Huệ	TND010181	1	21.50	3.5	25.00
975	Bùi Kim	Lũy	TLA008669	1	24.50	0.5	25.00
976	Lê Tố	Anh	HDT000593	1	24.50	0.5	25.00
977	Phạm Lan	Anh	HDT001361	1	24.00	1.0	25.00
978	Đỗ Mạnh	Khánh	DCN005638	1	24.50	0.5	25.00
979	Hoàng Thị Bích	Phương	TQU004310	1	23.50	1.5	25.00
980	Nguyễn Thu	Hằng	TDV009304	1	24.00	1.0	25.00
981	Hoàng Minh	Ngọc	TND017928	1	21.50	3.5	25.00
982	Triệu Thị	Trang	TQU005901	1	21.50	3.5	25.00
983	Nguyễn Thị	Hạc	TND006551	1	21.50	3.5	25.00
984	Nguyễn Phương	Thảo	TLA012538	1	24.50	0.5	25.00
985	Liêu Thị	Linh	DCN006316	1	21.50	3.5	25.00
986	Đinh Thị Hải	Yến	TND029937	1	21.50	3.5	25.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
987	Đỗ Thị	Mận	SPH011222	1	24.00	1.0	25.00
988	Ngọc Khánh	Chung	TQU000561	1	21.50	3.5	25.00
989	Võ Thị Hồng	Trang	HHA014848	1	24.50	0.5	25.00
990	Phạm Thành	Luân	TDV017959	1	23.50	1.5	25.00
991	Vũ Thị Hồng	Hạnh	TND007096	1	24.50	0.5	25.00
992	Trần Thị Cẩm	Tú	TND027605	1	21.50	3.5	25.00
993	Ly Thị	Mỹ	TTB004096	1	21.50	3.5	25.00
994	Đỗ Tiến	Dũng	TQU000878	1	23.50	1.5	25.00
995	Lê Nguyễn Hương	Ly	HDT015751	1	23.50	1.5	25.00
996	Nguyễn Vũ Thiều	Hoa	THP005353	1	24.50	0.5	25.00
997	Quan Thị	Vân	TQU006433	2	21.25	3.5	24.75
998	Hoàng Thanh	Thương	TND025321	2	21.25	3.5	24.75
999	Nguyễn Tuấn	Cương	THP001861	2	23.75	1.0	24.75
1000	Phạm Thị	Giang	HDT006422	2	23.25	1.5	24.75
1001	Vương Thị	Nụ	KQH010483	2	24.25	0.5	24.75
1002	Lê Ngọc	Linh	TND014253	2	21.25	3.5	24.75
1003	Liếng Thị	Mai	THV008399	2	21.25	3.5	24.75
1004	Phạm Thị	Hằng	TDV009352	2	23.75	1.0	24.75
1005	Quách Xương	Trang	HDT027109	2	21.25	3.5	24.75
1006	Lò Thạc	Khuê	THV006689	2	21.25	3.5	24.75
1007	Phan Thanh	Xuân	DCN013341	2	23.75	1.0	24.75
1008	Nguyễn Thị	Loan	TQU003320	2	23.25	1.5	24.75
1009	Đình Minh	Đức	KQH003135	2	24.25	0.5	24.75
1010	Doãn Thị	Tĩnh	TDV031596	2	23.25	1.5	24.75
1011	Nguyễn Thị	Liên	TQU003036	2	23.25	1.5	24.75
1012	Cao Thị	Trang	SPH017281	2	23.75	1.0	24.75
1013	Nông Quốc	Cường	TND003259	2	21.25	3.5	24.75
1014	Lý Thị	Hạnh	TND006945	2	21.25	3.5	24.75
1015	Ma Thị Hương	Thảo	KQH012589	2	21.25	3.5	24.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1016	Bế Thị	Định	TND005206	2	21.25	3.5	24.75
1017	Nguyễn Thị	Hoài	HDT009611	2	23.75	1.0	24.75
1018	Hồ Thị Diễm	Quỳnh	DHU018958	2	23.25	1.5	24.75
1019	Nguyễn Nhã	Đồng	TDV006478	2	23.75	1.0	24.75
1020	Nguyễn Thị	Hiếu	TDV010525	2	23.75	1.0	24.75
1021	Bùi Thị	Dung	HDT003743	2	23.75	1.0	24.75
1022	Phạm Như	Quỳnh	THV011168	2	23.25	1.5	24.75
1023	Phạm Thị Hương	Giang	LNH002395	2	23.25	1.5	24.75
1024	Hoàng Ngọc	Luyến	TND015391	2	21.25	3.5	24.75
1025	Phạm Hữu	Tuyển	THP016305	2	23.75	1.0	24.75
1026	Nguyễn Thị	Nhường	THP011027	1	24.25	0.5	24.75
1027	Nguyễn Thị Hồng	Tuyết	THV014929	1	23.25	1.5	24.75
1028	Đào Quang	Anh	TLA000247	1	24.75		24.75
1029	Lý Mùi	Chuồng	TND002712	1	21.25	3.5	24.75
1030	Tăng Thị	Chang	THP001430	1	23.75	1.0	24.75
1031	Trương Thị	Trang	KQH014797	1	24.25	0.5	24.75
1032	Trần Thị	Phượng	HHA011396	1	21.25	3.5	24.75
1033	Bùi Thị	Lợi	LNH005694	1	21.25	3.5	24.75
1034	Võ Tiến	Đạt	TDV006201	1	23.75	1.0	24.75
1035	Hà Thị	Chinh	HDT002718	1	23.25	1.5	24.75
1036	Phàn Mỷ	Lẫy	DCN005972	1	21.25	3.5	24.75
1037	Ngô Thị	Ngọc	THP010352	1	23.75	1.0	24.75
1038	Phan Lê Minh	Phượng	TDV024090	1	24.25	0.5	24.75
1039	Nguyễn Thị	Hiền	SPH005915	1	23.75	1.0	24.75
1040	Hà Văn	Thắm	HDT023531	1	21.25	3.5	24.75
1041	Hoàng Thị	Dung	TND003690	1	21.25	3.5	24.75
1042	Đỗ Phương	Anh	TND000180	1	23.25	1.5	24.75
1043	Đinh Ngọc	Quỳnh	THV011041	1	23.25	1.5	24.75
1044	Dương Thanh	Nhiệm	TND018724	1	21.25	3.5	24.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1045	Nguyễn Thị	Trang	TLA014161	1	24.25	0.5	24.75
1046	Trần Thị	Hoàn	YTB008625	1	23.75	1.0	24.75
1047	Đinh Thị Như	Quỳnh	THV011045	1	21.25	3.5	24.75
1048	Vì Thị	Phượng	HHA011295	1	21.25	3.5	24.75
1049	Bùi Thị	Hoài	HDT009534	1	23.75	1.0	24.75
1050	Lý Thị	Thanh	TND022460	1	21.25	3.5	24.75
1051	Nguyễn Thị	Đoan	TLA003464	1	24.25	0.5	24.75
1052	Chêo A	Phẩy	DCN008660	1	21.25	3.5	24.75
1053	Trần Thị	Ngân	HDT017692	1	23.25	1.5	24.75
1054	Nông Thị	Tĩnh	TND025686	1	21.25	3.5	24.75
1055	Nông Thị Lan	Anh	TND000937	1	21.25	3.5	24.75
1056	Hoàng Thị	Lan	TND013263	1	21.25	3.5	24.75
1057	Nguyễn Văn	Tuấn	THV014633	1	23.25	1.5	24.75
1058	Đinh Thị	Dự	TQU001020	1	21.25	3.5	24.75
1059	Phan Thị	Hoài	TDV011412	1	23.75	1.0	24.75
1060	Hà Thị	Nga	TND017303	1	21.25	3.5	24.75
1061	Kiều Thu	Hiền	TLA004792	1	24.25	0.5	24.75
1062	Hoàng Thị	Hoan	TND009238	1	21.25	3.5	24.75
1063	Nguyễn Thị	Huyền	TLA006328	1	23.75	1.0	24.75
1064	Nông Thị	Ngân	TND017616	1	21.25	3.5	24.75
1065	Nguyễn Thị	Liên	HDT013651	1	23.75	1.0	24.75
1066	Nông Thị Yến	Nhi	TND018706	1	21.25	3.5	24.75
1067	Trần Thị Vân	Anh	TND001122	1	24.25	0.5	24.75
1068	Hà Thanh	Huyền	TLA006252	1	23.75	1.0	24.75
1069	Phùng Thị Ngọc	ánh	THV000842	1	23.25	1.5	24.75
1070	Phùng Thị	Phượng	TND020269	1	21.25	3.5	24.75
1071	Hoàng Mạnh	Thưởng	THV013330	1	23.25	1.5	24.75
1072	Từ Thị	Tuyến	TND028584	1	23.25	1.5	24.75
1073	Trần Thị Vân	Anh	DCN000700	1	24.25	0.5	24.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1074	Trần Thị	Hiền	THP004893	2	23.50	1.0	24.50
1075	Nguyễn Mạnh	Cường	TND003195	2	24.00	0.5	24.50
1076	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	TDV021203	2	23.00	1.5	24.50
1077	Ngô Thị Lan	Phượng	DHU017849	2	24.00	0.5	24.50
1078	Lương Thị	Thắm	TTB005973	2	21.00	3.5	24.50
1079	Nguyễn Thị	Thủy	TQU005470	2	23.00	1.5	24.50
1080	Chu Thị	Chiều	TND002443	2	21.00	3.5	24.50
1081	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	THV014097	2	23.00	1.5	24.50
1082	Hà Thị	Phượng	HDT020179	2	21.00	3.5	24.50
1083	Vũ Thị Thúy	Hằng	SPH005765	2	23.00	1.5	24.50
1084	Nguyễn Thị Huyền	Trang	THV013818	2	23.50	1.0	24.50
1085	Phạm Thị Thuỳ	Linh	TDV017190	2	23.50	1.0	24.50
1086	Trương Thị	Hoa	HDT009348	2	23.50	1.0	24.50
1087	Vũ Thị Yến	Chi	SPH002462	2	23.00	1.5	24.50
1088	Nguyễn Thị	Thanh	HDT022629	2	22.50	2.0	24.50
1089	Đào Thị	Thuý	TND024976	2	23.00	1.5	24.50
1090	Hoàng Thùy	Trang	THV013728	2	21.00	3.5	24.50
1091	Trần Thị Mỹ	Hoa	SPH006592	2	23.50	1.0	24.50
1092	Lò Thị	Lan	TTB003310	2	21.00	3.5	24.50
1093	Nguyễn Thị	Hường	LNH004641	2	23.00	1.5	24.50
1094	Trần Thị Huyền	Trang	TND026732	2	21.00	3.5	24.50
1095	Nguyễn Thị	Tuần	TQU006088	2	21.00	3.5	24.50
1096	Lê Thị	Hường	HDT012462	2	23.50	1.0	24.50
1097	Nguyễn Thị	Duyên	TND004341	2	23.00	1.5	24.50
1098	Cù Thu	Thủy	TQU005449	2	23.00	1.5	24.50
1099	Trần Thái	Bảo	SPH001971	2	24.50		24.50
1100	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	YTB010107	2	24.00	0.5	24.50
1101	Trương Thành	Đức	BKA003356	2	24.00	0.5	24.50
1102	Nguyễn Phương	Ly	TLA008796	2	24.50		24.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1103	Lương Kim	Hoàn	TND009285	2	21.00	3.5	24.50
1104	Hà Thị	Phượng	TTB004860	2	21.00	3.5	24.50
1105	Nguyễn Minh	Thành	TDV027706	2	24.00	0.5	24.50
1106	Lương Thị	Linh	HDT014285	2	23.00	1.5	24.50
1107	Đoàn Thị Hồng	Ly	YTB013807	2	24.00	0.5	24.50
1108	Triệu Thị	Diệu	TND003543	2	21.00	3.5	24.50
1109	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	TND014527	1	24.00	0.5	24.50
1110	Doãn Thị	Niềm	TND019123	1	23.50	1.0	24.50
1111	Triệu Ngọc	Chiến	TQU000481	1	21.00	3.5	24.50
1112	Lò Thị	Hằng	TTB002023	1	21.00	3.5	24.50
1113	Nguyễn Thị	Phong	SPH013406	1	24.00	0.5	24.50
1114	Nguyễn Thị	Yến	TDV037020	1	23.50	1.0	24.50
1115	Lê Thị	Hoà	YTB008361	1	23.50	1.0	24.50
1116	Hứa Hoàng	Vinh	TND029381	1	21.00	3.5	24.50
1117	Nguyễn Thị	Hằng	SPH005644	1	23.50	1.0	24.50
1118	Lò Thị	Thanh	TTB005665	1	21.00	3.5	24.50
1119	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	KQH012644	1	24.00	0.5	24.50
1120	Lý Thị	Như	KQH010417	1	21.00	3.5	24.50
1121	Giàng Văn	Tư	TQU006328	1	21.00	3.5	24.50
1122	Quàng Văn	Tùng	TTB007245	1	21.00	3.5	24.50
1123	Trần Tú	Trinh	SPK014572	1	23.00	1.5	24.50
1124	Trần Thị	Hoài	HDT009635	1	21.00	3.5	24.50
1125	Nguyễn Tuấn	Bình	HDT002238	1	21.00	3.5	24.50
1126	Đặng Mạnh	Hùng	TQU002264	1	23.00	1.5	24.50
1127	Dương Phước	Sang	SPH014607	1	24.00	0.5	24.50
1128	Đào Huyền	My	TND016779	1	24.00	0.5	24.50
1129	Pờ Gia	Pố	TTB004995	1	21.00	3.5	24.50
1130	Lý Thị	Ghến	THV003174	1	21.00	3.5	24.50
1131	Hoàng Kim	Phú	TND019597	1	21.00	3.5	24.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1132	Nguyễn Thị	Oanh	KQH010551	1	24.00	0.5	24.50
1133	Nguyễn Thị Bích	Thuận	THP014171	1	24.00	0.5	24.50
1134	Lường Thị	Huế	TTB002618	1	21.00	3.5	24.50
1135	Đỗ Thị	Lương	YTB013712	1	23.50	1.0	24.50
1136	Nông Thị	Lan	TND013372	1	21.00	3.5	24.50
1137	Lộc Thị Lan	Anh	TND000445	1	21.00	3.5	24.50
1138	Đào Thị	Thu	THP014025	1	23.50	1.0	24.50
1139	Nguyễn Thanh	Hoa	THV004768	1	23.00	1.5	24.50
1140	Giàng Thị	Và	TND028973	1	21.00	3.5	24.50
1141	Đào Thị	Mỹ	TND016909	1	21.00	3.5	24.50
1142	Đặng Thị Huyền	Trang	TQU005775	1	23.00	1.5	24.50
1143	Đặng Hà	Dựng	TQU001033	1	21.00	3.5	24.50
1144	Ma Thị	Hà	THV003498	1	21.00	3.5	24.50
1145	Chầu Thị	Ly	TQU003450	1	21.00	3.5	24.50
1146	Nguyễn Thị Thanh	Lam	THV006858	1	23.00	1.5	24.50
1147	Trương Thúy	Nga	SPH012233	1	24.00	0.5	24.50
1148	Vi Thị	Hảo	TDV008884	1	21.00	3.5	24.50
1149	Hà Thị Hoài	Hiên	THV004233	1	21.00	3.5	24.50
1150	Bùi Văn	Nghiệp	YTB015529	1	23.50	1.0	24.50
1151	Điêu Thị	Vân	TTB007425	1	21.00	3.5	24.50
1152	Nguyễn Thị Hà	Trang	DCN011779	1	21.00	3.5	24.50
1153	Nguyễn Thị Phương	Thảo	TDV028137	1	24.00	0.5	24.50
1154	Triệu Mùi	Ten	TND022246	1	21.00	3.5	24.50
1155	Nguyễn Thị	Thùy	TND024717	1	21.00	3.5	24.50
1156	Hạng Thị	Pàng	TTB004708	1	21.00	3.5	24.50
1157	Nguyễn Thị	Diệp	THP002082	1	23.50	1.0	24.50
1158	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	TDV000980	1	24.00	0.5	24.50
1159	Lê Thị Khánh	Linh	HDT014099	1	23.50	1.0	24.50
1160	Nguyễn Thị Hồng	Trang	HHA014609	2	23.75	0.5	24.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1161	Đỗ Thị	Uyên	KQH015940	2	23.75	0.5	24.25
1162	Vũ Hồng	Phượng	THV010669	2	22.75	1.5	24.25
1163	Lê Thị	Linh	SPH009611	2	23.75	0.5	24.25
1164	Nguyễn Thị	Doanh	TND003593	2	22.75	1.5	24.25
1165	Bùi Thị	Trang	LNH009651	2	20.75	3.5	24.25
1166	Trần Thị	Nha	TND018488	2	20.75	3.5	24.25
1167	Đinh Thị	Liên	LNH005113	2	20.75	3.5	24.25
1168	Nguyễn Thị	Loan	YTB013301	2	23.25	1.0	24.25
1169	Đỗ Thị	Thảo	THV012108	2	20.75	3.5	24.25
1170	Phạm Thị	Bình	HDT002247	2	20.75	3.5	24.25
1171	Lương Thị Lệ	Quyên	TND020778	2	20.75	3.5	24.25
1172	Nguyễn Thu	Trang	THV013909	2	22.75	1.5	24.25
1173	Uông Thị	Hà	TDV008097	2	22.75	1.5	24.25
1174	Bùi Thị	Duyên	TDV005217	2	23.25	1.0	24.25
1175	Lưu Khánh	Linh	SPH009654	2	20.75	3.5	24.25
1176	Bùi Thị	Nhung	HDT018636	2	23.25	1.0	24.25
1177	Trần Ngọc Hương	Trang	THV013997	2	22.75	1.5	24.25
1178	Trần Thùy	Linh	YTB013134	2	23.75	0.5	24.25
1179	Nguyễn Thị	Hằng	YTB007020	2	22.25	2.0	24.25
1180	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	THP006593	2	23.25	1.0	24.25
1181	Phượng Thùy	Dung	TND003795	2	20.75	3.5	24.25
1182	Trần Thị	Trang	TDV033075	2	22.75	1.5	24.25
1183	Hoàng Thị	Nghiệp	TQU003877	2	20.75	3.5	24.25
1184	Nguyễn Thị Thu	Hương	THV006268	2	22.75	1.5	24.25
1185	Cao Phương	Chi	THV001244	2	22.75	1.5	24.25
1186	Hoàng Thị	Hạnh	HDT007478	2	23.25	1.0	24.25
1187	Nguyễn Thị	Thảo	TDV028207	2	23.25	1.0	24.25
1188	Lê Thị	Giang	HDT006293	2	23.25	1.0	24.25
1189	Lê Thị Mỹ	Linh	THV007450	2	23.25	1.0	24.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1190	Nguyễn Thị	Nhung	SPH013128	1	22.75	1.5	24.25
1191	Đỗ Quân	Thái	SPH015176	1	23.75	0.5	24.25
1192	Ngọc Châu An	Mi	HHA009104	1	22.25	2.0	24.25
1193	Đào Duy	Hải	TLA004256	1	23.75	0.5	24.25
1194	Đào Thanh	Luyến	KHA006228	1	23.25	1.0	24.25
1195	Ngũ Thị	Thảo	TQU005075	1	20.75	3.5	24.25
1196	Bế Ngọc	Thư	KQH013879	1	20.75	3.5	24.25
1197	Vũ Hương	Hà	TND006516	1	20.75	3.5	24.25
1198	Chấu Thị	Thuỷ	TQU005415	1	20.75	3.5	24.25
1199	Vũ Thị Hoài	Linh	THV007829	1	22.75	1.5	24.25
1200	Triệu Hà	Thanh	TND022523	1	20.75	3.5	24.25
1201	Ngọc Bích	Thảo	TND023059	1	20.75	3.5	24.25
1202	Phạm Thị Huyền	Trang	YTB023005	1	23.75	0.5	24.25
1203	Long Quốc	Huấn	TND009988	1	20.75	3.5	24.25
1204	Hoàng Thị Huyền	Chang	TND002064	1	20.75	3.5	24.25
1205	Nguyễn Thị Lan	Anh	THP000532	1	23.25	1.0	24.25
1206	Phạm Thị	Trinh	THP015564	1	23.75	0.5	24.25
1207	Trần Thị Nhật	Lệ	BKA007204	1	23.75	0.5	24.25
1208	Nguyễn Thị	Nhung	SPH013133	1	22.75	1.5	24.25
1209	Võ Phương	Linh	TDV017423	1	23.75	0.5	24.25
1210	Nguyễn Thị Hồng	Quý	TND020695	1	22.75	1.5	24.25
1211	Lò Thị	Thảo	TTB005882	1	20.75	3.5	24.25
1212	Nguyễn Thu	Hiền	KQH004608	1	20.75	3.5	24.25
1213	Nguyễn Thu	Phương	SPH013800	1	23.75	0.5	24.25
1214	Nông Thị	Vìn	TND029364	1	20.75	3.5	24.25
1215	Nguyễn Thị Thu	Hiền	DCN003740	1	23.75	0.5	24.25
1216	Lục Văn	Đình	TND005198	1	20.75	3.5	24.25
1217	Tô Phương	Thảo	SPH015813	1	23.25	1.0	24.25
1218	Vi Thị	Hồi	TND009670	1	20.75	3.5	24.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1219	Nông Nguyệt	Hà	TND006403	1	20.75	3.5	24.25
1220	Phạm Minh	Phương	TND020044	1	22.75	1.5	24.25
1221	Bùi Thị Thu	Thảo	TLA012433	1	23.25	1.0	24.25
1222	Nguyễn Văn	Tuấn	TQU006149	1	22.75	1.5	24.25
1223	Vũ Ngọc Quỳnh	Trang	BKA013696	1	24.25		24.25
1224	Nguyễn Thị	Loan	BKA007942	1	23.25	1.0	24.25
1225	Nguyễn Hương	Giang	SPH004550	1	23.25	1.0	24.25
1226	Phạm Thị	Lan	HDT013272	1	22.75	1.5	24.25
1227	Hoàng Phương	Thúy	TND024993	1	20.75	3.5	24.25
1228	Kha Thị	Linh	TDV016493	1	20.75	3.5	24.25
1229	Đinh Thị	Thu	TQU005345	1	22.75	1.5	24.25
1230	Long Thị	Vân	TND029083	1	20.75	3.5	24.25
1231	Phạm Thị Phương	Thùy	TQU005440	1	22.75	1.5	24.25
1232	Nguyễn Thị	Tấm	YTB019074	1	23.25	1.0	24.25
1233	Dương Thị	Tính	TQU005680	1	20.75	3.5	24.25
1234	Phùng Thị	Hồng	SPH007055	1	23.25	1.0	24.25
1235	Hoàng Thị	Thanh	HDT022544	1	22.75	1.5	24.25
1236	Nguyễn Thị	Ngát	HDT017591	1	23.25	1.0	24.25
1237	Nguyễn Thị Cẩm	Linh	THV007570	1	23.75	0.5	24.25
1238	Trịnh Thị Bích	Ngọc	TTB004420	1	22.75	1.5	24.25
1239	Hoàng Thị	Hường	KQH006851	3	20.50	3.5	24.00
1240	Hoàng Thị	Dung	HDT003801	2	23.00	1.0	24.00
1241	Lý Thị Minh	Vượng	TQU006545	2	20.50	3.5	24.00
1242	Phùng Thị	Oanh	TND019393	2	20.50	3.5	24.00
1243	Vũ Thị	Nữ	TND019228	2	22.50	1.5	24.00
1244	Vũ Duy	Tiến	HHA014203	2	22.50	1.5	24.00
1245	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	THP009235	2	23.00	1.0	24.00
1246	Võ Thị Thu	Hiền	TDV010166	2	22.50	1.5	24.00
1247	Ngạc Thị	Tươi	TND028733	2	20.50	3.5	24.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1248	Ngô Văn	Chính	THP001673	2	23.00	1.0	24.00
1249	Phạm Ngọc	Ngà	THP010082	2	23.50	0.5	24.00
1250	Hoàng Kim	Cúc	TND002938	2	20.50	3.5	24.00
1251	Trần Thị	Hường	THV006436	2	22.50	1.5	24.00
1252	Nguyễn Thị Thanh	Hương	HHA006851	2	22.50	1.5	24.00
1253	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	TND007016	2	23.50	0.5	24.00
1254	Nguyễn Thị	Nhung	TTB004592	2	22.50	1.5	24.00
1255	Nguyễn Thị Thu	Thảo	DCN010306	2	23.50	0.5	24.00
1256	Nguyễn Thị	Thơm	TDV029685	2	23.00	1.0	24.00
1257	Đinh Thị	Phượng	TDL011197	2	22.50	1.5	24.00
1258	Trần Thị Thủy	Tiên	TDV031339	2	23.00	1.0	24.00
1259	Chu Tú	Anh	TND000127	2	20.50	3.5	24.00
1260	Phạm Thị Khánh	Huyền	TQU002484	2	22.50	1.5	24.00
1261	Ma Thị	Lan	TQU002923	2	20.50	3.5	24.00
1262	Trần Thu	Huyền	TQU002515	2	20.50	3.5	24.00
1263	Lữ Thị Hải	Yến	TLA015865	2	23.50	0.5	24.00
1264	Phạm Thị	Hiền	HDT008582	2	22.50	1.5	24.00
1265	Nguyễn Thị	Duyên	TDV005348	2	23.00	1.0	24.00
1266	Chu Thúy	Hiền	TQU001685	2	20.50	3.5	24.00
1267	Phùng Văn	Pu	TND020306	2	20.50	3.5	24.00
1268	Bùi Thị Phương	Loan	LNH005532	2	20.50	3.5	24.00
1269	Hoàng Thị	Quỳnh	HDT021007	1	20.50	3.5	24.00
1270	Trần Hồng	Hạnh	HDT007612	1	23.50	0.5	24.00
1271	Nguyễn Thu	Hà	HDT006891	1	23.00	1.0	24.00
1272	Pờ Chùy	Pứ	TTB005001	1	20.50	3.5	24.00
1273	Nguyễn Thị	Hằng	YTB007012	1	23.50	0.5	24.00
1274	Vàng Thị	Dếnh	TTB001001	1	20.50	3.5	24.00
1275	Lò Văn	Mạnh	TTB003915	1	20.50	3.5	24.00
1276	Phạm Thị	Liều	TDV016179	1	23.00	1.0	24.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1277	Hoàng Thị Huyền	Trang	THV013712	1	22.50	1.5	24.00
1278	Đỗ Kiều	Nga	HDT017325	1	23.50	0.5	24.00
1279	Nguyễn Thị Lan	Anh	THV000460	1	22.50	1.5	24.00
1280	Vương Trịnh	Huấn	TND010011	1	20.50	3.5	24.00
1281	Vũ Lao	Vàng	TTB007401	1	20.50	3.5	24.00
1282	Trần Thị Phương	Thảo	THV012357	1	22.50	1.5	24.00
1283	Phạm Hoàng Hải	Nam	THV009038	1	20.50	3.5	24.00
1284	Nguyễn Thị	Thơm	TND024255	1	22.50	1.5	24.00
1285	Vàng Thị	Cao	THV001139	1	20.50	3.5	24.00
1286	Chu Thị	Thảo	SPH015531	1	23.50	0.5	24.00
1287	Nguyễn Thị	út	TND028795	1	22.50	1.5	24.00
1288	Phạm Thị	Anh	YTB001125	1	23.00	1.0	24.00
1289	Đỗ Thị Hoàng	Anh	SPH000227	1	23.00	1.0	24.00
1290	Hà Thị	Duyên	TND004294	1	20.50	3.5	24.00
1291	Dương Thùy	Trang	TTB006727	1	22.50	1.5	24.00
1292	Hoàng Thị Hải	Yến	TTB007675	1	20.50	3.5	24.00
1293	Ngô Thị	Hà	HDT006762	1	22.50	1.5	24.00
1294	Hoàng Trang	Nhật	DCN008313	1	23.50	0.5	24.00
1295	Phạm Thị	Thu	THV012854	1	22.50	1.5	24.00
1296	Phạm Thị	Thảo	THV012317	1	22.50	1.5	24.00
1297	Vũ Thị	Mây	TND016358	1	22.50	1.5	24.00
1298	Tấn San	Mấy	THV008633	1	20.50	3.5	24.00
1299	Lò Thị Thu	Hằng	TTB002026	1	20.50	3.5	24.00
1300	Dương Thị	Hoa	TND008668	1	22.50	1.5	24.00
1301	Hà Diệu	Hằng	TTB002003	1	20.50	3.5	24.00
1302	Nông Thị Như	Quỳnh	THV011161	1	20.50	3.5	24.00
1303	Mã Thị Hương	Lan	TND013292	1	20.50	3.5	24.00
1304	Hoàng Thị Trà	Giang	TDV007188	1	22.00	2.0	24.00
1305	Hoàng Thị	Thắm	TND023427	1	20.50	3.5	24.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1306	Hoàng Hồng	Thoa	TND024081	1	20.50	3.5	24.00
1307	Dương Thị	Thu	TQU005343	1	20.50	3.5	24.00
1308	Lý Thị	Niệm	TND019129	1	20.50	3.5	24.00
1309	Lương Thị	Thủy	TQU005461	1	20.50	3.5	24.00
1310	Trần Thị Hải	Yến	SPH019900	1	22.50	1.5	24.00
1311	Trần Thị Hồng	Nhung	NLS008795	1	22.50	1.5	24.00
1312	Đào Thị Thanh	Huyền	THP006449	1	23.50	0.5	24.00
1313	Nùng Thị Thanh	Huyền	THV005903	1	20.50	3.5	24.00
1314	Nguyễn Ngọc	ánh	DCN000815	1	20.50	3.5	24.00
1315	Phạm Thị	Lý	HDT015892	1	22.50	1.5	24.00
1316	Nguyễn Thị	Trang	HDT026981	1	23.00	1.0	24.00
1317	Lò Văn	Thủy	TTB006374	1	20.50	3.5	24.00
1318	Nguyễn Thị	Thúy	KQH013813	2	23.25	0.5	23.75
1319	Lê Minh	Hiền	TDV009786	2	22.75	1.0	23.75
1320	Nguyễn Thị	Minh	THP009563	2	23.25	0.5	23.75
1321	Hoàng Thị	Xuân	HVN012416	2	22.75	1.0	23.75
1322	Ngô Thị	Hằng	TND007355	2	22.75	1.0	23.75
1323	Hoàng Thị Thu	Hà	THV003469	2	22.25	1.5	23.75
1324	Chu Thị	Hồng	TND009691	2	20.25	3.5	23.75
1325	Đặng Hồng	Gấm	LNH002301	2	22.25	1.5	23.75
1326	Trần Thị	Tâm	TND022148	2	20.25	3.5	23.75
1327	Nguyễn Hương	Ly	HHA008804	2	23.25	0.5	23.75
1328	Nguyễn Văn	Thông	SPH016229	2	22.25	1.5	23.75
1329	Dương Thị	Thanh	TND022393	2	22.75	1.0	23.75
1330	Nguyễn Thị	Hường	HDT012479	2	22.25	1.5	23.75
1331	Nguyễn Thị	Mùi	TDV019535	2	22.25	1.5	23.75
1332	Lê Thị	Trang	HDT026601	2	20.25	3.5	23.75
1333	Nguyễn Thị	ánh	LNH000670	2	23.25	0.5	23.75
1334	Trần Thị	Yến	TDV037128	2	22.25	1.5	23.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh			Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1335	Nguyễn Ngọc	ánh		THV000805	2	22.25	1.5	23.75
1336	Lê Đình	Tuấn		HDT028213	2	22.75	1.0	23.75
1337	Vũ Thị Tú	Linh		TDV017454	2	22.75	1.0	23.75
1338	Nguyễn Thị	Trang		LNH009851	2	23.25	0.5	23.75
1339	Hoàng Thị	Mai		TDV018620	2	22.75	1.0	23.75
1340	Nguyễn Thị Hồng	Yến		TDV036990	2	22.25	1.5	23.75
1341	Trần Hữu	Đức		TDV006981	2	23.25	0.5	23.75
1342	Phan Minh	Anh		HDT001332	2	22.25	1.5	23.75
1343	Bùi Thị Dương	Anh		HDT000147	2	22.25	1.5	23.75
1344	Cao Thị	Phượng		HDT019645	2	22.75	1.0	23.75
1345	Nguyễn Ngọc	Lanh		HDT013319	1	22.75	1.0	23.75
1346	Hoàng Thùy	Linh		TND014211	1	20.25	3.5	23.75
1347	Bùi Thị	Mừng		HHA009361	1	22.25	1.5	23.75
1348	Phạm Thị	Dung		HDT004016	1	22.25	1.5	23.75
1349	Hàng Seo	Sấn		THV011290	1	20.25	3.5	23.75
1350	Linh Văn	Phong		TND019536	1	20.25	3.5	23.75
1351	Nguyễn Thị	Ngọc		THV009537	1	22.25	1.5	23.75
1352	Đồng Thị	Hà		TQU001392	1	20.25	3.5	23.75
1353	Hoàng Văn	Kiểm		TTB003199	1	20.25	3.5	23.75
1354	Trương Thị	Nhung		TND019052	1	22.25	1.5	23.75
1355	Hoàng Thị	Định		HDT005548	1	22.25	1.5	23.75
1356	Nguyễn Ngọc	ánh		SPH001785	1	22.25	1.5	23.75
1357	Nguyễn Thị Kiều	My		THV008833	1	22.25	1.5	23.75
1358	Trương Đình	Tiến		BJA013089	1	23.25	0.5	23.75
1359	Mai Thị	Oanh		HDT019239	1	20.25	3.5	23.75
1360	Đặng Thị Hồng	Hiệp		THV004434	1	22.25	1.5	23.75
1361	Nguyễn Thanh	Nhàn		TQU004033	1	22.25	1.5	23.75
1362	Nguyễn Thị Anh	Thư		TQU005544	1	20.25	3.5	23.75
1363	Lò Văn	Chưởng		TTB000807	1	20.25	3.5	23.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1364	Trần Thị Thu	Uyên	KHA011455	1	22.75	1.0	23.75
1365	Nguyễn Thị	Hằng	HDT007935	1	22.25	1.5	23.75
1366	Nguyễn Thị Bích	Hiền	HVN003399	1	23.25	0.5	23.75
1367	Quàng Văn	Kẻo	TTB003029	1	20.25	3.5	23.75
1368	Đỗ Văn	Thiện	SPH016094	1	23.25	0.5	23.75
1369	Trịnh Thị Hồng	Nhung	BKA010004	1	22.25	1.5	23.75
1370	Vũ Thị	Tư	YTB024658	1	22.75	1.0	23.75
1371	Nguyễn Thị	Nguyệt	TDV021707	1	22.25	1.5	23.75
1372	Mai Thị	Thúy	HDT025188	1	22.75	1.0	23.75
1373	Nông Phan Trung	Đức	TND005650	1	20.25	3.5	23.75
1374	Nguyễn Mỹ	Linh	THV007540	1	23.25	0.5	23.75
1375	Nguyễn Thị	Linh	YTB012779	1	22.75	1.0	23.75
1376	Trần Thị Lan	Vy	HDT030120	1	22.25	1.5	23.75
1377	Tải Thị	Cám	DCN001071	1	20.25	3.5	23.75
1378	Dương Thị	Sâm	HDT021448	1	22.75	1.0	23.75
1379	Nguyễn Lan	Anh	KQH000363	1	22.25	1.5	23.75
1380	Vũ Thị Minh	Hòa	LNH003555	1	22.25	1.5	23.75
1381	Lương Thị	Phương	TDV023878	1	22.75	1.0	23.75
1382	Nông Thị	Thơm	TND024271	1	20.25	3.5	23.75
1383	Nguyễn Hữu	Phước	KHA007875	1	22.75	1.0	23.75
1384	Nguyễn Thị Thanh	Mai	TND016027	1	22.25	1.5	23.75
1385	Hoàng Hải	Yến	THV015567	1	20.25	3.5	23.75
1386	Nguyễn Thị	Mai	TQU003519	1	22.25	1.5	23.75
1387	Lưu Thị Thu	Hằng	SPH005586	1	22.75	1.0	23.75
1388	Phạm Thị Hồng	ánh	THV000840	1	22.25	1.5	23.75
1389	Triệu Thị	Tấn	TND022238	1	20.25	3.5	23.75
1390	Nguyễn Bùi Thu	Hiền	KQH004538	1	20.25	3.5	23.75
1391	Ma Việt	Hoàng	TND009457	1	20.25	3.5	23.75
1392	Lê Thị	Thắm	TND023438	1	20.25	3.5	23.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1393	Nguyễn Thị	Trâm	YTB023250	2	22.50	1.0	23.50
1394	Nguyễn Thị	Hồng	SPH007020	2	22.50	1.0	23.50
1395	Nguyễn Thị	Huyền	HDT011511	2	22.00	1.5	23.50
1396	Ngô Thị Ngọc	Anh	HDT000885	2	22.00	1.5	23.50
1397	Triệu Văn	Cao	TND002019	2	20.00	3.5	23.50
1398	Trần Đức	Dũng	HDT004396	2	22.50	1.0	23.50
1399	Phạm Thùy	Linh	TQU003243	2	21.00	2.5	23.50
1400	Vi Phương	Thảo	TDV028494	2	20.00	3.5	23.50
1401	Bùi Thị	Thùy	HDT024756	2	22.50	1.0	23.50
1402	Nguyễn Thị	Hồng	HDT010153	2	22.50	1.0	23.50
1403	Trần Ngọc	ánh	THV000852	2	22.00	1.5	23.50
1404	Hoàng Thị	Gió	TQU001378	2	20.00	3.5	23.50
1405	Nguyễn Thị Lan	Anh	HDT001069	2	22.50	1.0	23.50
1406	Hà Thị Thu	Trang	THV013695	2	20.00	3.5	23.50
1407	Quàng Thị	Phương	TTB004924	2	20.00	3.5	23.50
1408	Nguyễn Thu	Huyền	SPH007942	2	22.50	1.0	23.50
1409	Lưu Thị Minh	Châu	THV001217	2	22.00	1.5	23.50
1410	Vũ Thị Thanh	Hiền	THV004398	2	22.00	1.5	23.50
1411	Nguyễn Thị	Thoan	TDV029460	2	22.50	1.0	23.50
1412	Nguyễn Thị	Hạnh	THP004287	2	22.50	1.0	23.50
1413	Tô Thị	Hường	TND012241	2	20.00	3.5	23.50
1414	Nguyễn Thanh	Bình	TTB000419	2	22.00	1.5	23.50
1415	Nông Văn	Quân	TND020573	2	20.00	3.5	23.50
1416	Nguyễn Thị	Ngọc	HHA010156	2	23.00	0.5	23.50
1417	Chu Thị Bích	Loan	TND014918	1	20.00	3.5	23.50
1418	Quàng Thị	Tiến	TTB006589	1	20.00	3.5	23.50
1419	Trần Lê	Tĩnh	TTB006645	1	22.00	1.5	23.50
1420	Nguyễn Thị	Linh	TND014469	1	22.00	1.5	23.50
1421	Sông A	Quả	TTB005002	1	20.00	3.5	23.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1422	Bế Thị	Huyền	TND010967	1	20.00	3.5	23.50
1423	Vũ Thị Thùy	Linh	YTB013198	1	22.50	1.0	23.50
1424	Vũ Mạnh	Hùng	TQU002324	1	22.00	1.5	23.50
1425	Lê Thị	Hòa	HDT009438	1	22.00	1.5	23.50
1426	Phạm Quỳnh	Diệp	YTB003224	1	22.50	1.0	23.50
1427	Đàm Thị Thanh	Duyên	TND004283	1	20.00	3.5	23.50
1428	Quàng Thị	Hỏa	TTB002400	1	20.00	3.5	23.50
1429	Đặng Mai	Huyền	HHA006245	1	23.00	0.5	23.50
1430	Bùi Anh	Tuấn	LNH010243	1	20.00	3.5	23.50
1431	Trần Hương	Ly	SPH010876	1	23.50		23.50
1432	Bùi Khánh	Huyền	TTB002776	1	22.00	1.5	23.50
1433	Nguyễn Thị	Hiền	TDV009941	1	23.00	0.5	23.50
1434	Đặng Thị	Chinh	BKA001641	1	22.50	1.0	23.50
1435	Hoàng Thị	Hồng	HDT010055	1	22.50	1.0	23.50
1436	Hoàng Thị	Tú	TND027468	1	20.00	3.5	23.50
1437	Lê Thị	Tâm	SPH015067	1	22.00	1.5	23.50
1438	Hoàng Thị	Huế	TND010051	1	20.00	3.5	23.50
1439	Nguyễn Thị Hoài	Thu	TDV029849	1	23.00	0.5	23.50
1440	Nguyễn Quang	Duẩn	KHA001631	1	22.50	1.0	23.50
1441	Ma Thị	Thảo	TQU005070	1	20.00	3.5	23.50
1442	Đỗ Thị	Hồng	YTB008940	1	22.50	1.0	23.50
1443	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	DCN012825	1	22.00	1.5	23.50
1444	Nguyễn Thị Lan	Chi	TND002281	1	20.00	3.5	23.50
1445	Hà Thị	Huỳnh	TQU002531	1	20.00	3.5	23.50
1446	Dương Thị	Liều	TND013923	1	20.00	3.5	23.50
1447	Đinh Thị Thu	Huyền	TQU002401	1	22.00	1.5	23.50
1448	Phạm Thị	Tuyết	BKA014658	1	22.50	1.0	23.50
1449	Phạm Minh	Phương	TQU004362	1	22.00	1.5	23.50
1450	Đặng Thị	Trang	HDT026302	1	22.00	1.5	23.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1451	Sùng A	Vảng	TTB007405	1	20.00	3.5	23.50
1452	Hoàng Thị	Xuân	TND029773	1	20.00	3.5	23.50
1453	Thào A	Sam	TTB005250	1	20.00	3.5	23.50
1454	Sĩ Thị Thanh	Thúy	HVN010450	1	22.50	1.0	23.50
1455	Đình Thị	Vũ	TTB007537	1	20.00	3.5	23.50
1456	Triệu Thị	Chuyên	TND002746	2	19.75	3.5	23.25
1457	Hoàng Thị	Mến	THV008642	2	21.75	1.5	23.25
1458	Quách Thị	Châm	LNH000911	2	19.75	3.5	23.25
1459	Hồ Thị	Hiền	HDT008370	2	21.75	1.5	23.25
1460	Mai Thị Thủy	Tiên	DND024539	2	22.25	1.0	23.25
1461	Cao Thị	Thơm	THP013977	2	22.25	1.0	23.25
1462	Trần Thị	Nga	THP010043	2	22.25	1.0	23.25
1463	Nguyễn Thu	Hà	THP003884	2	22.25	1.0	23.25
1464	Lê Thị	Khánh	HDT012671	2	22.25	1.0	23.25
1465	Đỗ Phương	Thảo	KQH012524	2	22.75	0.5	23.25
1466	Nguyễn Thị Thùy	Trang	THP015230	2	22.75	0.5	23.25
1467	Phàn Mùi	Mấy	TQU003577	2	19.75	3.5	23.25
1468	Nguyễn Thị	ánh	TDV001787	2	21.75	1.5	23.25
1469	Nguyễn Thị	Lan	TQU002928	2	21.75	1.5	23.25
1470	Hoàng Hồng	Hạnh	KQH003939	2	19.75	3.5	23.25
1471	Hồ A	Lênh	THV007142	2	19.75	3.5	23.25
1472	Trịnh Tiến	Cường	TLA002331	2	20.25	3.0	23.25
1473	Nguyễn Thị	Hợp	TDV012355	2	21.75	1.5	23.25
1474	Nguyễn Tuấn	Anh	LNH000478	2	19.75	3.5	23.25
1475	Trần Thị	Hoa	TDV010974	2	22.25	1.0	23.25
1476	Nguyễn Hồng	Sơn	TDV026249	2	21.75	1.5	23.25
1477	Vũ Đình	Trường	THV014322	2	21.75	1.5	23.25
1478	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	DHU021233	2	22.75	0.5	23.25
1479	Lục Thị ánh	Đào	HDT005131	2	19.75	3.5	23.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1480	Nguyễn Hải	Nam	HHA009549	2	22.25	1.0	23.25
1481	Lò Thị	Thanh	TTB005812	2	19.75	3.5	23.25
1482	Đỗ Trung	Hiếu	YTB007859	2	22.25	1.0	23.25
1483	Phạm Thị Tường	Loan	TND015035	1	21.75	1.5	23.25
1484	Nguyễn Thanh	Hoa	LNH003452	1	22.75	0.5	23.25
1485	Ma Xuân	Thành	TQU004988	1	19.75	3.5	23.25
1486	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	HDT014558	1	22.75	0.5	23.25
1487	Đào Thị	Bích	HDT002076	1	22.25	1.0	23.25
1488	Lê Thị Nhật	Lệ	TTB003409	1	21.75	1.5	23.25
1489	Trần Thị	Nhàn	SPH012889	1	21.75	1.5	23.25
1490	Hoàng Thị	Trang	TND026192	1	19.75	3.5	23.25
1491	Hà Thị Linh	Chi	HDT002506	1	22.25	1.0	23.25
1492	Đào Thị Phương	Thảo	THV012115	1	21.75	1.5	23.25
1493	Trần Quốc	Huân	TQU002169	1	19.75	3.5	23.25
1494	Chèo Mỹ	Lai	THV006844	1	19.75	3.5	23.25
1495	Lê Thị Lệ	Quyến	TND020902	1	21.75	1.5	23.25
1496	Đặng Thị	Lan	HDT013138	1	22.25	1.0	23.25
1497	Vũ Thị Huyền	Trang	TLA014338	1	22.25	1.0	23.25
1498	Lê Thị Thúy	Hồng	TLA005703	1	22.25	1.0	23.25
1499	Hoàng Thị Kim	Ngân	HDT017629	1	22.25	1.0	23.25
1500	Phan Thị	Tình	TND025687	1	19.75	3.5	23.25
1501	Phan Thị	Hằng	DCN003503	1	22.75	0.5	23.25
1502	Đỗ Thị	Hằng	THV003987	1	21.75	1.5	23.25
1503	Trần Quang	Huy	TQU002382	1	21.75	1.5	23.25
1504	Hà Thị Diệu	Mai	TND015908	1	19.75	3.5	23.25
1505	Ngô Phương	Đông	YTB005139	1	22.25	1.0	23.25
1506	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	THP000588	1	22.25	1.0	23.25
1507	Vũ Minh	Tú	TND027617	1	21.75	1.5	23.25
1508	Vũ Thị	Vân	SPH019334	1	22.25	1.0	23.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1509	Nguyễn Thị	Hiền	THV004312	1	21.75	1.5	23.25
1510	Hoàng Thị Nhật	Lệ	THP007990	1	22.25	1.0	23.25
1511	Phạm Thị	Lam	HDT013083	1	21.75	1.5	23.25
1512	Nguyễn Văn	Huỳnh	THP006769	1	22.25	1.0	23.25
1513	Lê Thị	Hương	HDT012082	1	22.25	1.0	23.25
1514	Phạm Thị Minh	Loan	TND015033	1	21.75	1.5	23.25
1515	Ngô Thị Thu	Thảo	KQH012602	1	22.75	0.5	23.25
1516	Mã Thị Hoài	Anh	TND000544	1	19.75	3.5	23.25
1517	Vì Văn	Son	THV011363	1	19.75	3.5	23.25
1518	Giàng A	Dơ	THV001993	1	19.75	3.5	23.25
1519	Quách Văn	Long	TQU003359	1	19.75	3.5	23.25
1520	Phạm Thị	Trang	THV013962	3	21.50	1.5	23.00
1521	Liều Thanh	Huyền	TND011126	2	19.50	3.5	23.00
1522	Lò Thị	Chung	TTB000738	2	19.50	3.5	23.00
1523	Đào Hải	Quỳnh	DCN009409	2	21.50	1.5	23.00
1524	Tạ Thị	Huyền	BKA006109	2	22.00	1.0	23.00
1525	Hồ Sỹ	Vượng	TDV036515	2	22.00	1.0	23.00
1526	Nông Thị Mĩ	Lan	TND013373	2	19.50	3.5	23.00
1527	Nguyễn Thị	Thanh	THV011888	2	21.50	1.5	23.00
1528	Nguyễn Thị Thu	Hoài	TND009167	2	20.50	2.5	23.00
1529	Đào Thị	Thu	HVN010083	2	22.00	1.0	23.00
1530	Lý Thị Mỹ	Lệ	TND013703	2	19.50	3.5	23.00
1531	Vì Thị	Phương	TND020125	2	19.50	3.5	23.00
1532	Hoàng Thị	Thủy	TND024798	2	19.50	3.5	23.00
1533	Đỗ Thị	Linh	HDT013827	2	21.50	1.5	23.00
1534	Hồ Thị	Yến	TDV036873	2	22.00	1.0	23.00
1535	Trần Anh	Nhất	YTB016199	2	22.00	1.0	23.00
1536	Trần Thương	Thương	THV013317	2	19.50	3.5	23.00
1537	Phan Diệu	Anh	TTB000226	2	21.50	1.5	23.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1538	Bạc Thị	Hằng	TTB001986	2	19.50	3.5	23.00
1539	Nguyễn Lê Kiều	My	TDV019581	1	22.50	0.5	23.00
1540	Nguyễn Minh	Chuyên	THV001555	1	21.50	1.5	23.00
1541	Trần Thị	Dịu	TLA002418	1	22.00	1.0	23.00
1542	Chu Thị Kiều	Anh	TQU000019	1	19.50	3.5	23.00
1543	Phùng Thị	Tuyết	TND028663	1	19.50	3.5	23.00
1544	Nguyễn Thị	Xuân	DCN013330	1	19.50	3.5	23.00
1545	Nguyễn Thị Thu	Huyền	TLA006382	1	22.00	1.0	23.00
1546	Lường Thị	Thi	THV012580	1	19.50	3.5	23.00
1547	Mê Thị Thu	Hạnh	TTB001932	1	19.50	3.5	23.00
1548	Bùi Thị Thanh	Thơm	TLA013102	1	22.00	1.0	23.00
1549	Nguyễn Phương	Thảo	TLA012554	1	21.50	1.5	23.00
1550	Bùi Thùy	Ninh	HHA010694	1	22.50	0.5	23.00
1551	Nguyễn Thị Linh	Trang	THP015178	1	22.50	0.5	23.00
1552	Bùi Văn	Bằng	HDT002039	1	19.50	3.5	23.00
1553	Nguyễn Thị	Thanh	YTB019327	1	22.00	1.0	23.00
1554	Nguyễn Thị Minh	Dung	SPH003077	1	22.00	1.0	23.00
1555	Lành Thúy	Ngân	TND017559	1	19.50	3.5	23.00
1556	Lường Thị	Dương	TTB001351	1	19.50	3.5	23.00
1557	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	TTB005207	1	21.50	1.5	23.00
1558	Lê Ngọc	Anh	HDT000555	1	21.50	1.5	23.00
1559	Lầu A	Hồng	TTB002567	1	19.50	3.5	23.00
1560	Vũ Thị	Lý	HDT015908	1	22.00	1.0	23.00
1561	Hoàng Thanh	Hằng	THV004023	1	21.50	1.5	23.00
1562	Trịnh Thị	Hoa	TND008866	1	19.50	3.5	23.00
1563	Lê Thị	Nhị	HDT018604	1	22.00	1.0	23.00
1564	Nguyễn Thị	Tuệ	TDV035079	1	21.50	1.5	23.00
1565	Đinh Thị	Vường	DCN013278	1	19.50	3.5	23.00
1566	Vũ Thị	Thu	TDV029960	1	22.00	1.0	23.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1567	Nông Thùy	Linh	TND014648	1	19.50	3.5	23.00
1568	Hoàng Thị	Trang	TDV032273	1	21.50	1.5	23.00
1569	Vũ Thị	Chinh	HDT002787	1	21.50	1.5	23.00
1570	Vũ Thị Hiền	Hòa	YTB008467	1	22.00	1.0	23.00
1571	Đỗ Lan	Phượng	TQU004294	1	21.50	1.5	23.00
1572	Đặng Văn	Anh	TND000277	1	21.50	1.5	23.00
1573	Vi Thị Bích	Vân	TND029201	1	19.50	3.5	23.00
1574	Nguyễn Thị	Hợp	KQH005615	1	22.50	0.5	23.00
1575	Hoàng Thị	Thuyết	TND025123	1	19.50	3.5	23.00
1576	Nguyễn Tuấn	Thành	TND022677	1	19.50	3.5	23.00
1577	Cà Thị	Oanh	TTB004675	1	19.50	3.5	23.00
1578	Phùng Thị Mỹ	Linh	THV007723	2	21.25	1.5	22.75
1579	Nông Thị Hồng	Thắm	TND023461	2	19.25	3.5	22.75
1580	Phạm Thị Thu	Trang	YTB023039	2	21.75	1.0	22.75
1581	Phạm Hoàng	Lộc	DCN006859	2	21.75	1.0	22.75
1582	Triệu Văn	Kiểm	TTN008874	2	19.25	3.5	22.75
1583	Trần Thị	Hậu	SPH005825	2	19.25	3.5	22.75
1584	Bùi Thị	Hà	HDT006522	2	19.25	3.5	22.75
1585	Bùi Thị	Quỳnh	HDT020940	2	21.75	1.0	22.75
1586	Lù Ti	Hình	THV004692	2	19.25	3.5	22.75
1587	Hà Kiều	Ly	THV008266	2	19.25	3.5	22.75
1588	La Phượng	Thắm	TND023432	2	19.25	3.5	22.75
1589	Phạm Văn	Long	YTB013481	2	21.75	1.0	22.75
1590	Nguyễn Thanh	Tuấn	TND027906	2	19.25	3.5	22.75
1591	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	LNH010519	1	22.25	0.5	22.75
1592	Hà Hải	Yến	LNH010962	1	19.25	3.5	22.75
1593	Bùi Thị Hồng	Nhung	TND018759	1	21.25	1.5	22.75
1594	Nguyễn Thị	Diễm	HHA002024	1	21.25	1.5	22.75
1595	Trần Thị Phương	Thúy	TDV030753	1	22.25	0.5	22.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1596	Nguyễn Thị	Loan	TQU003318	1	19.25	3.5	22.75
1597	Lê Thị Minh	Hiếu	SPH006258	1	21.25	1.5	22.75
1598	Trần Văn	Tuấn	TND028031	1	19.25	3.5	22.75
1599	Doãn Thị Lâm	Phượng	TDV023739	1	21.25	1.5	22.75
1600	Nguyễn Thị Bích	Phượng	THV010635	1	21.25	1.5	22.75
1601	Tần Xoang	Lồng	THV008077	1	19.25	3.5	22.75
1602	Nguyễn Thị	Linh	TND014493	1	19.25	3.5	22.75
1603	Ngôn Nguyệt	ánh	TND001341	1	19.25	3.5	22.75
1604	Chu Thị Lan	Hương	TND011680	1	21.25	1.5	22.75
1605	Hoàng Thị Diệu	Linh	TDV016447	1	21.75	1.0	22.75
1606	Lê Văn	Anh	LNH000286	1	19.25	3.5	22.75
1607	Phạm Thị Thanh	Xuân	YTB025550	1	21.75	1.0	22.75
1608	Nguyễn Thị	ánh	TQU000284	1	21.25	1.5	22.75
1609	Phạm Thị	Hòa	HDT009495	1	21.25	1.5	22.75
1610	Quách Thị	Oanh	TLA010689	1	22.25	0.5	22.75
1611	Nguyễn Bá	Huỳnh	TND011482	1	19.25	3.5	22.75
1612	Trương Thị Thùy	Linh	TQU003285	1	21.25	1.5	22.75
1613	Hoàng Tú	Anh	DHU000312	1	22.25	0.5	22.75
1614	Trần Thị Thùy	Dương	HDT004993	1	21.75	1.0	22.75
1615	Lê Thị	Bích	THP001260	1	22.25	0.5	22.75
1616	Phạm Như	Quỳnh	YTB018403	1	22.25	0.5	22.75
1617	Hoàng Văn	Sang	TND021309	1	19.25	3.5	22.75
1618	Chu Thị	Phượng	TND020152	1	21.75	1.0	22.75
1619	Phan Ngọc	Tiến	SPH017047	1	22.75		22.75
1620	Vũ Thanh	Huyền	TQU002524	1	21.25	1.5	22.75
1621	Lê Thị	Long	HDT015242	1	21.75	1.0	22.75
1622	Đinh Thi Kim	Xuyến	TND029851	1	19.25	3.5	22.75
1623	Nguyễn Đức	Dung	THV002071	1	22.25	0.5	22.75
1624	Nguyễn Thị	Chang	TTB000488	1	21.25	1.5	22.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1625	Hoàng Văn	Nhật	YTB016209	1	21.75	1.0	22.75
1626	Hoàng Văn	Huy	HDT010997	1	20.25	2.5	22.75
1627	Nông Đức	Hoàng	TQU002085	1	19.25	3.5	22.75
1628	Hoàng Thu	Lệ	TND013684	2	19.00	3.5	22.50
1629	Hoàng Thị	Ước	HDT029397	2	21.00	1.5	22.50
1630	Phạm Đình	Phong	HDT019451	2	21.00	1.5	22.50
1631	Hà Mỹ	Linh	TQU003095	2	21.00	1.5	22.50
1632	Phạm Thị	Lan	HVN005564	2	21.50	1.0	22.50
1633	Sùng A	Ná	TTB004102	2	19.00	3.5	22.50
1634	Nguyễn Thanh	Hằng	TLA004637	2	22.00	0.5	22.50
1635	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	TDV034332	2	22.00	0.5	22.50
1636	Nguyễn Thị	Lan	TQU002930	2	21.00	1.5	22.50
1637	Đỗ Thị	Huyền	THP006441	2	21.50	1.0	22.50
1638	Lâu Thị	Bình	TND001846	2	19.00	3.5	22.50
1639	Lương Thị	Phường	TND020146	1	19.00	3.5	22.50
1640	Nông Thị Bích	Thảo	TND023242	1	19.00	3.5	22.50
1641	Nguyễn Thu	Hà	SPH004954	1	21.50	1.0	22.50
1642	Tô Thị Quỳnh	Anh	HHA000885	1	22.00	0.5	22.50
1643	Vũ Thị	Thu	BKA012568	1	21.50	1.0	22.50
1644	Nông Thị Hải	Yến	TND030108	1	19.00	3.5	22.50
1645	Triệu Thị	Ngoan	TND017832	1	19.00	3.5	22.50
1646	Vũ Thị Ngọc	ánh	KHA000862	1	21.50	1.0	22.50
1647	Giàng Thị	Che	TTB000535	1	19.00	3.5	22.50
1648	Vương Thị	Lan	TQU002948	1	19.00	3.5	22.50
1649	Lê Thị	Hoài	YTB008498	1	21.50	1.0	22.50
1650	Nguyễn Thị Kim	Ly	DCN007036	1	21.00	1.5	22.50
1651	Phan Kim	Hoàn	THV004952	1	21.00	1.5	22.50
1652	Nguyễn Thị	Tâm	TQU004873	1	21.00	1.5	22.50
1653	Trịnh Thị	Hà	HDT007011	1	21.00	1.5	22.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1654	Chu Lệ	Giang	TND005774	1	19.00	3.5	22.50
1655	Nguyễn Mai	Phượng	TQU004341	1	21.00	1.5	22.50
1656	Nông Cao	Định	TTN003809	1	19.00	3.5	22.50
1657	Lò Thị Mỹ	Uyên	TTB007358	1	19.00	3.5	22.50
1658	Phạm Thị Tâm	Trang	HDT027044	2	21.75	0.5	22.25
1659	Trần Thị Như	Quỳnh	TDV025653	2	21.25	1.0	22.25
1660	Trịnh Hà	Mi	HDT016427	2	21.25	1.0	22.25
1661	Hà Hồng	Hiệp	HDT008729	2	18.75	3.5	22.25
1662	Bùi Thị	Lụa	LNH005706	1	18.75	3.5	22.25
1663	Trương Thị	Xinh	HDT030143	1	18.75	3.5	22.25
1664	Hoàng Thị	Lưỡng	TQU003434	1	18.75	3.5	22.25
1665	Sùng Seo	Vảng	THV015071	1	18.75	3.5	22.25
1666	Triệu Đức	Hương	TND012030	1	18.75	3.5	22.25
1667	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	HHA010122	1	20.75	1.5	22.25
1668	Dương Thị	Bình	TDV002454	1	20.75	1.5	22.25
1669	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	YTB010119	1	21.25	1.0	22.25
1670	Đinh Thị Nhật	Lệ	KHA005420	1	21.25	1.0	22.25
1671	Nguyễn Linh	Lộc	TND015222	1	20.75	1.5	22.25
1672	Hoàng Thị	Nụ	YTB016677	1	21.25	1.0	22.25
1673	Nông Thị	Huyền	TQU002400	1	18.75	3.5	22.25
1674	Hồ Thị	Phượng	TDV024242	1	21.25	1.0	22.25
1675	Trương Thị	Vân	TLA015511	1	21.25	1.0	22.25
1676	Vũ Thị	Phượng	TND020139	1	20.75	1.5	22.25
1677	Triệu Thị Thu	Trang	TND026717	1	18.75	3.5	22.25
1678	Giàng Thị	Mây	TTB003961	1	18.75	3.5	22.25
1679	Nguyễn Thiện	Trường	SPH018247	1	21.75	0.5	22.25
1680	Nguyễn Thị	Trang	TDV032806	1	21.75	0.5	22.25
1681	Khổng Thị	Thơ	SPH016235	1	21.25	1.0	22.25
1682	Phàn A	ỏn	THV010150	1	18.75	3.5	22.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1683	Nguyễn Thị	Nga	TDV020522	1	21.25	1.0	22.25
1684	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	LNH003170	1	21.75	0.5	22.25
1685	Triệu Thị	Oanh	HDT019308	1	18.75	3.5	22.25
1686	Trần Thị Hương	Ly	TQU003487	1	20.75	1.5	22.25
1687	Dào Thu	Hương	TND011684	1	18.75	3.5	22.25
1688	Vũ Thị Thu	Hương	TTN008375	1	20.75	1.5	22.25
1689	Nguyễn Anh	Tiến	TND025564	1	20.75	1.5	22.25
1690	Nông Thảo	Lam	TND013196	1	18.75	3.5	22.25
1691	Đỗ Thị Thu	Hà	KHA002730	1	22.25		22.25
1692	Nguyễn Thanh	Tùng	TND028287	1	21.75	0.5	22.25
1693	Bạch Linh	Chiều	LNH001057	1	18.75	3.5	22.25
1694	Nguyễn Văn	Phong	TND019563	2	20.50	1.5	22.00
1695	Nguyễn Thị	Ngân	YTB015395	2	21.00	1.0	22.00
1696	Lê Hồng	Sơn	KQH011840	2	21.50	0.5	22.00
1697	Đinh Thị	Hương	TND011720	2	20.50	1.5	22.00
1698	Lưu Thị	Thoa	TND024098	2	18.50	3.5	22.00
1699	Bùi Phương	Yên	HDT030273	1	18.50	3.5	22.00
1700	Vũ Thị Anh	Đào	DCN002239	1	21.00	1.0	22.00
1701	Trương Phương	Nam	TND017216	1	18.50	3.5	22.00
1702	Hà Thị	Hằng	THV004010	1	20.50	1.5	22.00
1703	Phan Thành	Nghệ	KQH009725	1	21.50	0.5	22.00
1704	Hà Thị	Trà	TND025944	1	18.50	3.5	22.00
1705	Lê Thị Trà	Mi	HDT016421	1	20.50	1.5	22.00
1706	Phạm Thị	Linh	TDV017172	1	21.00	1.0	22.00
1707	Trần Thị Thảo	Nguyên	TND018282	1	20.50	1.5	22.00
1708	Hoàng Thị	Thiệp	TND023910	1	18.50	3.5	22.00
1709	Nguyễn Văn	Biên	HVN000954	1	21.00	1.0	22.00
1710	Lê Thị Thuỳ	Linh	KQH007818	1	21.50	0.5	22.00
1711	Hà Duy	Khánh	LNH004763	1	18.50	3.5	22.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1712	Dương Thị Tuyết	Chinh	LNH001066	1	20.50	1.5	22.00
1713	Lương Minh	Phụng	HDT019590	1	18.50	3.5	22.00
1714	Lường Thị	Xuân	TTB007629	1	18.50	3.5	22.00
1715	Lê Việt	Hoàng	TLA005555	1	22.00		22.00
1716	Lê Thị Kiều	Oanh	HDT019209	1	18.50	3.5	22.00
1717	Lê Thị Mỹ	Linh	TLA007817	1	21.00	1.0	22.00
1718	Diệp Thành	Hạnh	TND006863	1	18.50	3.5	22.00
1719	Đào Thị Minh	Anh	TTB000065	1	20.50	1.5	22.00
1720	Đặng Hiền	Lương	KHA006255	1	21.00	1.0	22.00
1721	Đoàn Thị Minh	Phượng	YTB017207	1	21.50	0.5	22.00
1722	Bùi Ngọc	Huyền	LNH004127	1	18.50	3.5	22.00
1723	Ma Hải	Giang	TND005870	1	18.50	3.5	22.00
1724	Nguyễn Thị Kiều	Trang	TTB006792	1	20.50	1.5	22.00
1725	Hoàng Thị	Oanh	TND019306	1	20.50	1.5	22.00
1726	Nguyễn Diệu	Linh	SPH009707	1	22.00		22.00
1727	Nguyễn Đức	Doanh	TND003591	1	18.50	3.5	22.00
1728	Hà Thị	Nhiên	TQU004074	2	20.25	1.5	21.75
1729	Trần Thị Thu	Uyên	TQU006376	2	20.25	1.5	21.75
1730	Lô Kiều	Ngân	TND017565	1	18.25	3.5	21.75
1731	Phạm Việt	Khởi	THP007553	1	21.25	0.5	21.75
1732	Nguyễn Thị	Thảo	THP013415	1	20.75	1.0	21.75
1733	Lìm Thị	Luyến	THV008152	1	18.25	3.5	21.75
1734	Phan Thị	Phượng	TND020040	1	20.25	1.5	21.75
1735	Nguyễn Thị	Thảo	HDT023324	1	20.25	1.5	21.75
1736	Đào Thị Phương	Anh	THP000204	1	21.25	0.5	21.75
1737	Nguyễn Công	Quý	THP012121	1	20.75	1.0	21.75
1738	Nguyễn Thị Hồng	Thủy	TDV030386	1	21.25	0.5	21.75
1739	Từ Thị	Tuyến	TND028583	1	18.25	3.5	21.75
1740	Ngô Văn	Thuận	TND024534	1	18.25	3.5	21.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1741	Nguyễn Thanh	Tâm	TND022112	1	18.25	3.5	21.75
1742	Trần Thị	Luyến	TQU003413	1	18.25	3.5	21.75
1743	Trần Thị Hồng	Chinh	DCN001295	1	19.25	2.5	21.75
1744	Lê Thu	Thủy	THV013026	1	20.25	1.5	21.75
1745	Đặng Mùi	Mui	TND016739	1	18.25	3.5	21.75
1746	Trần Thị Quỳnh	Hoa	YTB008328	1	20.75	1.0	21.75
1747	Hoàng Thị	Tâm	TND022051	1	18.25	3.5	21.75
1748	Mào Thị	Duyên	TTB001293	2	18.00	3.5	21.50
1749	Nguyễn Thị Hồng	Nga	TND017359	2	18.00	3.5	21.50
1750	Lê Thị	Trang	TLA013996	2	20.50	1.0	21.50
1751	Trần Thị	Mơ	KQH009174	2	21.00	0.5	21.50
1752	Đào Bích	Ngọc	THV009420	2	18.00	3.5	21.50
1753	Nguyễn Thị	Lan	TDV015628	2	20.00	1.5	21.50
1754	Ngô Văn	Tĩnh	THV013504	1	18.00	3.5	21.50
1755	Nguyễn Thị	Tuyết	HDT029103	1	18.00	3.5	21.50
1756	Trịnh Thị Vân	Anh	HDT001630	1	20.00	1.5	21.50
1757	Triệu Thị	Huyền	TQU002506	1	18.00	3.5	21.50
1758	Chu Thị	Nhung	TND018767	1	18.00	3.5	21.50
1759	Nguyễn Mỹ	Hạnh	KHA003083	1	20.50	1.0	21.50
1760	Nguyễn Thị	Phượng	YTB017612	1	20.50	1.0	21.50
1761	Trần Quốc	Khoa	TDV015108	1	20.00	1.5	21.50
1762	Nguyễn Văn	Đạt	THP003039	1	20.50	1.0	21.50
1763	Triệu Thị Thu	Hà	TQU001448	1	20.00	1.5	21.50
1764	Hoàng Phương	Bắc	TTB000353	1	18.00	3.5	21.50
1765	Phạm Thị	Diện	HDT003593	1	20.50	1.0	21.50
1766	Vàng Thị	Chăm	THV001185	1	18.00	3.5	21.50
1767	Nguyễn Thị	Hường	KQH006891	1	21.00	0.5	21.50
1768	Đào Hồng	Oanh	TND019265	1	18.00	3.5	21.50
1769	Khoàng Thị	Tuyết	TTB007298	1	18.00	3.5	21.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1770	Đỗ Minh	Sỹ	TQU004831	1	18.00	3.5	21.50
1771	Nguyễn Đình	Chiều	TTB000609	1	20.00	1.5	21.50
1772	Bế Ngọc	Hải	TND006560	2	17.75	3.5	21.25
1773	Vũ Văn	Tĩnh	HHA014243	2	20.75	0.5	21.25
1774	Đình Kiều	Anh	TND000234	2	17.75	3.5	21.25
1775	Đỗ Thùy	Dương	HDT004765	2	19.75	1.5	21.25
1776	Tòng Thị	Thanh	TTB005701	2	17.75	3.5	21.25
1777	Nguyễn Văn	Khởi	TND012782	1	19.75	1.5	21.25
1778	Nguyễn Đức	Hảo	DCN003306	1	20.75	0.5	21.25
1779	Hà Kiều	Ngân	TND017539	1	17.75	3.5	21.25
1780	Nguyễn Thị	Mai	LNH005950	1	20.75	0.5	21.25
1781	Vi Thị	Thao	TND022768	1	17.75	3.5	21.25
1782	Nông Thị	Nhung	TND018993	1	17.75	3.5	21.25
1783	Lê Văn	Đức	HDT005906	1	20.25	1.0	21.25
1784	Phạm Anh	Tuấn	TND027979	1	20.25	1.0	21.25
1785	Hoàng Khánh	Lâm	TQU002959	1	17.75	3.5	21.25
1786	Lê Mạnh	Cường	SPH002799	1	21.25		21.25
1787	Vũ Thị	Thanh	THP013104	1	20.75	0.5	21.25
1788	Phan Thị Thanh	Nhàn	TDV021838	1	20.75	0.5	21.25
1789	Trần Thị	Huyền	HDT011658	1	20.25	1.0	21.25
1790	Hoàng Thị Kim	Uyên	TQU006362	1	17.50	3.5	21.00
1791	Giàng A	Minh	TTB003997	1	17.50	3.5	21.00
1792	Nông Thị Thu	Trà	TND025976	1	17.50	3.5	21.00
1793	Lê Mạnh	Tuấn	THV014537	1	20.00	1.0	21.00
1794	Phạm Thị	Bến	HDT002070	1	19.50	1.5	21.00
1795	Hoàng Thị	Hoàn	TND009279	1	17.50	3.5	21.00
1796	Tô Lan	Hương	THV006312	1	19.50	1.5	21.00
1797	Phương Thị	Xanh	TND029725	1	17.50	3.5	21.00
1798	Giàng A	Cu	TTB000851	1	17.50	3.5	21.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1799	Vàng Seo	Hài	THV003665	1	17.50	3.5	21.00
1800	Lò Thị	Hoài	TTB002407	1	17.50	3.5	21.00
1801	Lò Thị	Thuận	TTB006312	1	17.50	3.5	21.00
1802	Nguyễn Thị	Trang	THP015240	1	20.00	1.0	21.00
1803	Lê Thị Thu	Thảo	TTB005864	1	19.50	1.5	21.00
1804	Trần Đăng	Sỹ	YTB018898	2	19.75	1.0	20.75
1805	Vũ Thành	Duy	TND004268	2	19.25	1.5	20.75
1806	Nguyễn Đức	Tú	DCN012387	1	20.25	0.5	20.75
1807	Dương Thị	Cúc	TQU000628	1	17.25	3.5	20.75
1808	Lê Thị	Huyền	YTB009944	1	19.75	1.0	20.75
1809	Tô Thị	Hoa	HDT009330	1	19.75	1.0	20.75
1810	Nguyễn Thị	Thảo	NLS011419	1	19.25	1.5	20.75
1811	Nguyễn Yến	Nhi	HHA010474	1	20.25	0.5	20.75
1812	Lê Thị	Sơn	HDT021668	1	19.25	1.5	20.75
1813	Tao Văn	Dọt	THV001991	1	17.25	3.5	20.75
1814	Hoàng Thúy	Quỳnh	TDV025377	2	19.50	1.0	20.50
1815	Nguyễn Thị Hoa	Mai	THV008419	2	19.00	1.5	20.50
1816	Trần Thị Bích	Phượng	BKA010628	1	20.00	0.5	20.50
1817	Nông Thành	Vinh	THV015293	1	17.00	3.5	20.50
1818	Hoàng Thế	Ngọc	HHA010066	1	20.00	0.5	20.50
1819	Pờ Dền	Phú	THV010276	1	17.00	3.5	20.50
1820	Hà Thị	Linh	TQU003099	1	17.00	3.5	20.50
1821	Vi Thị	Hiền	TQU001751	1	19.00	1.5	20.50
1822	Sùng A	Tá	TTB005495	1	17.00	3.5	20.50
1823	Thân Thị Diệu	Linh	TND014731	1	18.75	1.5	20.25
1824	Đinh Thị Hồng	Thanh	HHA012419	1	19.75	0.5	20.25
1825	Nguyễn Kiều	Anh	TDV000800	1	19.25	1.0	20.25
1826	Hà Thị	Huyền	TND011064	1	16.50	3.5	20.00
1827	Nguyễn Thị	Mai	TND016007	1	18.50	1.5	20.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1828	Giàng Thị	Dinh	THV001961	1	16.50	3.5	20.00
1829	Hoàng Khánh	Linh	KQH007771	1	19.50	0.5	20.00
1830	Thào A	Tăng	TTB005526	1	16.50	3.5	20.00
1831	Nguyễn Thị	Nga	TQU003794	1	16.50	3.5	20.00
1832	Lục Thị Quỳnh	Ngọc	TND017957	1	16.50	3.5	20.00
1833	Nguyễn Đình	Hải	TND006673	1	16.25	3.5	19.75
1834	Bàn Thị	Dung	TND003637	1	16.25	3.5	19.75
1835	Phan Thanh	Lịch	TND013784	1	16.00	3.5	19.50
1836	Nguyễn Quang	Sơn	TTB005416	1	18.00	1.5	19.50
1837	Hoàng Quốc	Việt	YTB025121	1	18.50	1.0	19.50
1838	Nguyễn Ngọc	Cân	KQH001191	1	18.50	1.0	19.50
1839	Hoàng Thị	Mây	TQU003574	1	16.00	3.5	19.50
1840	Triệu Thị	Hạnh	TND007069	1	15.75	3.5	19.25
1841	Nguyễn Văn	Thắng	LNH008759	1	17.75	1.5	19.25
1842	Nguyễn Thị	Sen	DHU019430	1	18.25	1.0	19.25
1843	Vũ Thị	ánh	TND001455	4	17.00	1.5	19.00
1844	Bàn Văn	Dũng	TTB001186	1	15.50	3.5	19.00
1845	Vàng Ngọc	Cương	THV001721	1	15.50	3.5	19.00
1846	Bùi Xuân	Thức	TDV030887	1	17.50	1.5	19.00
1847	Mùa A	Cầu	TTB000470	1	15.50	3.5	19.00
1848	Cà Thị	Hoa	TTB002291	1	15.50	3.5	19.00
1849	Lương Thị Thanh	Tuyền	TND028474	1	15.50	3.5	19.00
1850	Đình Thị Thu	Thảo	THV012126	1	17.50	1.5	19.00
1851	Nguyễn Thị	Trang	THV013904	1	17.25	1.5	18.75
1852	Lục Thị	Tâm	TND022059	1	15.25	3.5	18.75
1853	Trương Đức	Quý	LNH007630	2	15.00	3.5	18.50
1854	Lò Minh	Tiến	TTB006573	1	15.00	3.5	18.50
1855	Phạm Thị	Thanh	THP013075	1	18.00	0.5	18.50
1856	Phạm Ngọc	Hoa	TQU001935	1	17.00	1.5	18.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

Trang 65

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1857	Sùng A	Chô	THV001465	1	15.00	3.5	18.50
1858	Đỗ Văn	Hiếu	THV004510	1	17.00	1.5	18.50
1859	Nguyễn Lâm	Anh	TND000654	1	16.75	1.5	18.25
1860	Vũ Thị	Huyền	YTB010311	1	17.00	1.0	18.00
1861	Trần Thị Minh	Nguyệt	TTN013012	1	16.50	1.5	18.00
1862	Lê Trung	Kiên	THV006740	1	15.50	2.5	18.00
1863	Phạm Thị	Hằng	HHA004422	1	17.25	0.5	17.75
1864	Nguyễn Việt	Tiến	KQH014099	1	17.00	0.5	17.50
1865	Lã Thị Minh	Ngọc	KHA007209	1	16.75	0.5	17.25
1866	Khổng Thị	Yến	HHA016534	1	16.75	0.5	17.25
1867	Ngô Thế	Quỳnh	SPH014503	1	16.25	0.5	16.75
1868	Lưu Khánh	Huyền	TQU002442	1	15.25	1.5	16.75
1869	Hoàng Thanh	Tài	TTB005499	1	15.00	1.5	16.50
1870	Cao Thị	Hoàn	HDT009682	1	15.00	1.5	16.50
1871	Bùi Thị	Hằng	YTB006871	2	15.00	1.0	16.00
1872	Lê Hồng	Sơn	LNH007926	2	15.00	0.5	15.50
1873	Đinh Thị	Ngọc	HDT017887	1	14.50	1.0	15.50
1874	Hoàng Tiến	Dũng	THV002193	1	11.75	3.5	15.25
1875	Nguyễn Hà	Trang	TTB006777	1	13.50	1.5	15.00
1876	Triệu Trung	Vĩnh	TND029463	1	11.50	3.5	15.00
1877	Lò Văn	Thanh	TTB005679	1	11.50	3.5	15.00

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2015
NGƯỜI LẬP BIỂU